

THANH-NGHỊ!

NGHỊ-LUẬN, VĂN-CHƯƠNG, KHẢO-CỨU
CHỦ-NHIỆM: VŨ ĐÌNH HÒE

TRONG SỐ NÀY :

- Văn-đề kỹ-nghệ hóa xứ Đông-dương. VŨ ĐÌNH HÒE
- Chữ « Lễ ». HOÀNG ĐẠO THÚY
- Hiến-pháp Trung-hoa: Nguyên-nhân cuộc cách mệnh Tân-hợi (1911). PHÁN ANH
- Các chất sinh-tổ trong đồ ăn của người Việt nam. NGUYỄN ĐÌNH HÀO
- Người phu đào-huyệt (truyện dịch) NGUYỄN QUÝ BÌNH và L. H. V.
- Danh văn ngoại quốc: Một thần tượng về chính-trị. ĐỖ ĐỨC DỤC
- Xã-hội Việt-nam từ thế-kỷ thứ XVII. NG. TRỌNG PHẦN
- Cuộc tiến-hóa của nền tư bản: Những biến trạng của chế-độ tư bản từ cuối thế-kỷ XIX. VŨ VĂN HIỀN
- Đạo sách mới. L. H. V. và VŨ ĐÌNH HÒE
- Việc quốc tế. Đ. Đ. D.

VẤN-ĐỀ KỸ-NGHỆ HỎA XÚ' ĐÔNG-DƯƠNG

SAU khi xét
tinh-hình các
ngành kỹ nghệ

Đông-Dương (1), ta có thể kết luận rằng:

1-) Trái với ngày trước mà sự hoạt động kỹ-nghệ hầu hết quy vào việc khai khẩn các mỏ than đá, sắt, kẽm, thiếc và tungstere, phốt phát để bán khoáng-chất ra ngoài, ngày nay các kỹ-nghệ khai mỏ đều phải thu hẹp sức sản xuất lại, việc buôn bán với nước ngoài (không kể nước Nhật) bị ngừng hẳn. Chỉ trừ có vài mỏ mới bắt đầu khai, như mỏ apatite ở Laokay, sắt và manganèse ở Thái-Nguyên, để bán khoáng mỏ sang Nhật, và kỹ-nghệ khai mỏ kẽm, xưa nay, vẫn cung cấp một phần lớn khoáng chất khai được cho nhà máy đúc kẽm ở Quảng-Yên. Nhà máy này đã tăng sản xuất để cung cấp kỹ-nghệ kim khí nên dùng thêm cả phần khoáng chất xưa kia xuất cảng.

2-) Trái với ngày trước mà các kỹ-nghệ chế tạo hầu như không có, bao nhiêu chế tạo phẩm đều mua ở ngoài, ngày nay vì các hàng ấy không nhập cảng được nữa, sự cần thiết gắt gao đã kích thích sự hoạt động kỹ nghệ về các ngành chế-tạo. Nhiều kỹ-nghệ chế tạo đã được xây dựng hoặc bành trướng. Trước hết là các kỹ nghệ nặng, đúc gang, đồng, chì, thiếc, antimoine, kẽm và nhờ đó, những kỹ-nghệ kim-khí và bình-khí. Rồi đến những kỹ nghệ dầu đốt máy và làm trơn máy, những kỹ-nghệ làm đường, cắt rượu, làm hóa-phẩm bằng cao-xu, làm đất đốt đèn, kỹ-nghệ đúc tiền.

Song lại có những kỹ-nghệ chế tạo, dùng nguyên liệu, vật liệu nhập cảng, hoặc khí cụ và bộ phận máy móc không mua được cùng không làm ra được, nên bị tê liệt hoặc sa sút. Đó là kỹ-nghệ dệt phải dùng nguyên-liệu bông, sợi, tơ ngoại quốc — kỹ-nghệ làm diêm, sà phớt, giấy, kính, thuốc da phải dùng đến những chất hóa học như chlorate de potasse (diêm) soude (sà phớt, giấy, kính), chất thuốc hóa học — và những kỹ-nghệ cả những bộ phận máy móc hư mòn, mà không thay được như kỹ-nghệ làm giấy, si măng, xay gạo. Tuy nhiên người ta hết sức cố gắng vừa để cứu vãn những kỹ-nghệ

chế tạo ấy, vừa để cung cấp những hàng hóa cần thiết cho đời sống hằng ngày. Vì vậy việc giồng bông đang tổ chức gấp và người ta nghiên cứu cùng thực hành cách dệt vải bằng dây gai, bông gạo. Người ta lập những nhà máy làm chlorate de potasse, làm soude. Người ta khai mỏ gypse dùng làm si măng ở Lào để thay thế gypse mua ở Egypte, người ta dùng vỏ cây chế những chất thuốc da, người ta dùng mỡ cá, dầu cá chế những chất đốt máy (mazout) và làm trơn máy để thay các thứ dầu nhập cảng.

Những cố gắng ấy đã có kết quả được vừa ý chưa? Ta không dám chắc; Nhưng có điều chắc chắn là, so với trước hồi chiến tranh thế giới, hoạt động kỹ-nghệ ở xứ Đông Dương đã tăng lên gấp bội.

Xét sâu vào tinh cách của nền kỹ-nghệ Đông Dương xưa và nay, ta thấy có sự thay đổi lớn.

Trước hết lực lượng hoạt động đã rút ở ngành khai khẩn mà dồn hẳn sang các ngành chế tạo. Chỉ bằng cứ vào việc ấy mà không nhìn đến kết quả và tương lai vội, ta có thể nói là Đông Dương đã bước sang một giai-đoạn kinh-tế văn minh hơn xưa.

Ta lại nhận rằng những kỹ-nghệ khai khẩn (trừ một vài thứ) nay còn hoạt động không phải để bán khoáng mỏ ra ngoài nhưng để cung cấp nguyên liệu cho các kỹ-nghệ chế tạo trong xứ — Và những kỹ-nghệ chế tạo hoạt động không phải để sản xuất những hàng bán ra ngoài nhưng để cung cấp cho sự cần dùng bên trong. Nghĩa là nền kỹ-nghệ Đông-Dương hiện nay không lệ thuộc vào việc buôn bán với nước ngoài. Ta có thể nói là Đông Dương đang sống trong một nền kinh-tế độc lập về mặt kỹ-nghệ. Sự sống ấy dễ dàng hay chật vật? Đó là vấn đề ta không xét ở đây.

Cũng như ở tất cả các nước mới bắt đầu tổ chức một nền kinh-tế độc lập để tự túc về mọi khoản, ta lại nhận thấy hiện nay chính-phủ can thiệp trực tiếp vào sự hoạt-dộng kỹ-nghệ, để liên lạc, nâng đỡ, điều khiển những cố gắng của tư-nhân hoặc dùng hẳn ra chủ trương một

vài ngành kỹ nghệ. Các hiệp ước việc hoạt-dộng kỹ-nghệ của tư nhân, chính phủ khuyến khích sự tìm tòi, giúp tiền, giúp khí cụ phần chuyên môn cho những nhà máy này, thu giấy phép và máy móc của những nhà máy kia, kiểm soát việc sản xuất và tiêu thụ, chia nguyên liệu cho các nhà máy v. v... Để chủ trương hẳn một vài loại kỹ-nghệ rất cần mà tư nhân không làm nổi hoặc không thấy lợi, chính phủ đặt ra trong sở Thanh-tra khoáng chất và kỹ nghệ, một chi cục riêng tức là sở kỹ nghệ kim khí và bình khí (Service des industries mécaniques et d'armement). Sở này trông nom những nhà máy làm thuốc súng (Đáp, Cầu và Việt Trì), làm lưỡi cưa, lưỡi dao cắt gỗ, nhà máy đúc gang ở Bắc Sơn (Bắc Giang) v. v... Nghĩa là ta thấy chính-phủ đang thi hành một chính sách kỹ-nghệ. Chính-sách ấy xây dựng theo những phương châm gì, được tổ chức như thế nào, sẽ có những kết quả ra sao? Đó là những câu hỏi phải là người chuyên môn mới trả lời được đích xác. Ta chỉ nên nhận rằng tất cả những sự thay đổi hiện thời trong nền kỹ-nghệ Đông Dương, chứng tỏ một công việc đang thực hành:

Công việc KỸ-NGHỆ-HÓA xứ Đông-Dương

Không phải từ ngày nay người ta mới hồi đến vấn đề đó. Ngay trước hồi chiến tranh, một vài nhà kinh-tế-học như ông Paul Bernard đã chủ trương thuyết kỹ-nghệ-hóa, một công cuộc, theo ý ông, khó khăn và tốn tiền nhưng cần thiết để khuếch trương lực tương kinh-tế của xứ Đông-Dương, để giải-quyết vấn đề nhân mãn và để nâng cao trình-độ sinh-hoạt tất dân chúng. Thuyết ấy đã gây nhiều cuộc cãi vã giữa những đám người có những quyền lợi tương phản. Rút cục ý tưởng mở mang kỹ-nghệ đã bị bác bỏ, vì người ta sợ mất một thị-trường tiêu thụ cho những kỹ-nghệ chế tạo của chính-quốc, và người ta sợ làm rối loạn những mối buôn bán với các nước ngoài. Và lại việc lập một ngành kỹ-nghệ chế tạo nào tất nhiên phải vượt nhiều nỗi khó khăn, nên khi nói đến thực hành

VŨ ĐÌNH HOÈ

thì ai chả phải
chùn, trong
khi người lạ

thấy nhập cảng những hàng ngoại quốc là một việc tiện lợi hơn nhiều. Giả dĩ muốn tổ chức một kỹ-nghệ kiểu mới cho có lãi, tất phải có nhiều máy móc và phải lập nhiều kỹ nghệ phụ thuộc để sản hế nhiều thứ tạo phẩm, thứ nọ cần cho thứ kia; thành ra phải có cả một chương trình toàn cục, bao quát và có liên lạc thực hành cho khắp cả xứ. Một công cuộc như thế hẳn phải cần đến những sự nghiên-cứu chu đáo, những số vốn lớn, cần đến chi kiêu gạn và một tổ chức có phương pháp.

Vì những nhẽ ấy mà vấn đề kỹ nghệ-hóa vẫn không được các nhà cầm quyền chú ý và câu chuyện trên chỉ ở trong phạm-vi lý-thuyết.

Kịp chiến-tranh xảy đến. Tất cả những lý-thuyết đều phải bỏ trống một thực-sự: cần phải thỏa mãn những nhu cầu thiết yếu và khẩn cấp.

Việc kỹ-nghệ-hóa không cần những cuộc thảo luận hăng hái, những công-trình nghiên-cứu lâu năm, đột nhiên phải đem ra thực hành để đối phó với thời cục.

Một đạo sắc-lệnh, ra ngày 27 Décembre 1938, đặt sở Tổng-thanh tra Khoáng-chất và kỹ-nghệ, có chức vụ phải gây cho xứ Đông-Dương một lực lượng chiến-tranh thích hợp với công cuộc phòng thủ, cùng với việc sửa soạn và tổ chức một chương trình tổng động viên kỹ-nghệ.

Do thời-cục xui nên, việc mở mang kỹ-nghệ lúc đầu là định thực hành theo mục-dịch quốc gia và đặc biệt là việc phòng thủ và việc tổ chức một nền kinh-tế thích dụng vào công việc ấy. Rồi sau vì tình thế chiến tranh, sự giao thông với nước Pháp và các nước ngoài trở nên rất khó khăn và rất khó khăn, vấn đề kỹ-nghệ-hóa đã thay đổi hình-thể và xoay vào mục-dịch cung cấp cho những nhu cầu trong xứ về những hàng chế tạo xưa kia phải nhập-cảng, bằng cách bắt sản xuất những hàng làm để bán ra ngoài và xây dựng hoặc mở mang những kỹ-nghệ chế tạo, dùng những nguyên liệu trong xứ để làm

(Xem tiếp trong số)

(1) Xem những số 40, 41, 43.

những hàng x-ra kia phải mua ở ngoài hoặc những thế-phẩm có thể thay tạm được hàng ấy.

Việc kỹ-nghệ-hóa theo phương châm trên, đã được tổ chức như thế nào, và giá-trị của sự tổ-chức ấy như thế nào? Ở đây ta nhường nhời cho ông Guillaumon giám-đốc sở Thanh-tra Khoáng-chất và kỹ-nghệ (1) :

« Vì phải cung cấp cho những nhu-cần càng ngày càng tăng bằng những phương tiện càng ngày càng kém, công cuộc kỹ-nghệ-hóa mà chúng tôi đang theo đuổi chỉ là một lối kỹ-nghệ-hóa vì cơ bị-phong tỏa, mà sự cần-thiết thì hiển nhiên. Không có-chương trình tổng quát, suy tính kỹ càng và nhất thiết hợp lý như trong những lúc bình-thời, mà chỉ có những thực hành cấp bách :

— Chúng tôi không có cao vọng lập hẳn một nền đại kỹ nghệ, chỉ cần nói là vì nhẽ không thể tìm được những m ý mới và kỹ thuật cần dùng ;

— Tất cả cố gắng của chúng tôi, chuyển vào việc sản xuất những vật liệu và hàng hóa tối cần, là để theo hai mục đích, vừa giữ vững những nền tảng kinh-tế trạng thái, vừa làm bớt sự khó khăn của dân-chúng trong đời sống hàng ngày.

Trong nhiều ngành, cái công cuộc « kỹ-nghệ-hóa vì sự phong-tỏa này » chỉ là một công cuộc tạm thời, quy vào việc cung cấp cho những nhu cần thiết yếu cho đời sống ; ở những ngành khác, những cố gắng liên tiếp kích thích bởi sự cần cấp, đã đưa tới những kết quả có thể trường cửu được những cố gắng ấy mà bình-thời thì chẳng bao giờ có thể làm cả.

Không thể làm hơn được và đành để lại về sau công việc nghiên cứu một chương trình chuẩn bị kỹ-nghệ cho toàn xứ, chứ hiện thời nền kỹ-nghệ Đông-Dương chỉ cố gắng cung cấp cho những nhu-cần thiết yếu của đời sống dân chúng, bằng cách chế tạo những nguyên liệu có ở trong xứ.

Tuy nhiên, ngay đến việc cung cấp cho những nhu-cần thiết-yếu của đời sống, những khó khăn cũng không phải là ít, nào là thiếu những tay chuyên môn, những thợ lành nghề, thiếu máy móc, khí cụ, thiếu vật liệu nhất là những chất hóa học, nào là phải mở mắt để tìm một kỹ-luật, một phương pháp chế tạo thích hợp với tình-thế eo hẹp, nào là phải tìm tới thí nghiệm những nguyên-tiện mới, nào là vận chuyển khó khăn, hời hợt thuyên không được việc kỹ-nghệ... » (2)

Ít khi ta thấy những nhời nói thực vậy, ở mồm một công chức cao cấp và có trách nhiệm.

Sự thực là thế : tương lai của những kỹ-nghệ chế tạo mới được thành lập và khuếch trương vì tình-thế, không có gì là tốt đẹp. Trước hết các kỹ-nghệ làm thế-phẩm như dầu đốt và làm trơn máy chế bằng mỡ cá, cồn chạy máy và máy chạy hơi than, tất nhiên chỉ có công dụng trong thời kỳ chiến tranh. Rồi đến những kỹ-nghệ đúc khoáng-chất như gang, đồng, chì, những kỹ-nghệ làm kim-khí như lưỡi cưa, bộ phận xe đạp, xẻ hơi v.v., những kỹ-nghệ hóa học làm soude, chlorate de potasse... lập nên một cách vội vàng bằng những phương tiện tạm gắp, cũng sẽ không thể tồn tại được sau chiến tranh vì những hàng chế tạo đều kém về phẩm mà giá sản xuất lại cao. Một vài thứ hàng như da thuộc, các thứ hóa phẩm bằng cao-xu có thể có tương lai nhưng cũng cần được hưởng một chính-sách bảo trợ mới có thể cạnh tranh được với hàng ngoại-quốc sau này.

Nói tóm lại hầu hết những kỹ-nghệ chế-tạo mới xây dựng chỉ có một giá-trị nhất thời : a vấn-đề kỹ-nghệ-hóa xứ Đông-Dương hãy còn nguyên vẹn. Đó là một vấn-đề to rộng, vượt hẳn những phương sách lâm thời, cần đến những cố gắng mạnh của cả Đoàn-thể, những hi-sinh lớn về tiền tài, một tổ-chức chắc chắn và một chính sách toàn cục, lâu năm, có liên quan đến cả những đường lối quốc-tế.

Công cuộc kỹ-nghệ-hóa một xứ còn ở một trình-độ kinh-tế thấp kém, lệ thuộc ba vấn-đề, một vấn-đề chính-trị, một vấn-đề chuyên-môn và một vấn-đề xã-hội, cần phải giải quyết trước khi nghĩ đến việc tổ-chức.

— Vấn-đề chính-trị ; một mặt là chính-trị đối ngoại. Một xứ không có kỹ-nghệ tất là hèn hạ, ỷ hoặc bắt buộc, phải cung cấp nguyên-liệu cho các nước tiến hơn (về mặt kinh tế) và nhập cảng các hàng chế tạo. Muốn thoát ly cái nền kinh-tế nô-lệ ấy không phải là một việc riêng mà xứ ấy có thể tự quyết được, nhất là ở một giai-đoạn lịch-sử, mà vấn-đề kinh-tế làm thẹn nhột cho nền chính-trị quốc-tế.

Về phương-diện nội-trị, một xứ mới bước vào sự tổ-chức kỹ-nghệ thế tất phải theo một nền kinh-tế chỉ-huy (économie dirigée). những ngành kỹ-nghệ nào chính-phủ phải chú trọng, những ngành nào để cho tư-nhân? Chính-phủ can-

(Xem tiếp trang 293)

(1) (2) Đông-Dương kinh-tế tập-sa 1943 — II.

Đĩ học để làm gì?

Lâu nay, quen lắm rồi hề hỏi một em bé, một người lớn nữa, thì vọt ngay ra một câu đáp:

— « Tôi đi nhà trường để học đọc, học viết và học tính ».

Nếu đi học mà để chỉ có thể thôi thì ai cũng phải ngầu-ngor. Nếu « đọc, viết, tính » là trọn cả việc học tập thì ba cái bùa ấy đã đủ cho người ta chưa? Nếu mục-dịch học có thể thì học đã có nghĩa-lý chưa?

Sấm cho một người một cái chàng, một cái đực, cái bào nữa, đủ làm sao cho người ta để thành một người thợ mộc. Không khéo chẳng nên đồ gì, mà còn đứt tay mình, đứt tay người nữa,

Người ta bảo rằng « người khác loài vật là ở tư tưởng ».

Chúng ta lại thấy rằng « người khác loài vật ở chỗ biết lễ ». — Sách Lễ-Ký.

Vì đó mà việc dạy dỗ hãy Lễ đã, Văn cũng còn ở sau.

Đem loài vật ra mà nói, là vì cũng là những vật sống trong đời, ta muốn nói rõ ràng rằng ta là người, ta không phải như các vật. Khác ở chỗ nào chứ? Khỏe không bằng voi cạp, hươu nai còn nhanh hơn, sống lâu cũng kém con rùa. Hơn chỉ có chỗ là người, biết cách làm người, ăn ở ra người, ra người biết lễ làm người.

Đời xưa một ông vua ra oai, đem quân áp đến nước Lỗ, thế mà rồi không giám đánh, than rằng: « các nước lễ nghĩa, không nên đánh ».

Một ông vua hỏi bầy tôi: « Trọng Ni » — Khổng Tử — là ai thế? ». Bầy tôi tâu: « Đó là một người biết lễ ».

Lễ là cái gì vậy, mà có cái sức ngăn cản đám thiên binh vạn mã. Lễ là cái gì vậy mà đủ làm giá trị nhất định cho một người.

Không phải nề dân biết Lễ mà không đánh, đánh vào lấy thua về mình; vì dân biết lễ, biết yêu nước yêu nhà, dễ đem tính mạng mà ném ra vì nghĩa đánh khó được. — Người biết lễ, biết cư xử, nhìn rõ việc, rõ đời, là người khá.

Thế thì, có phải lễ không, khi đem biểu người ta mấy bao chè mà không đựng trè. Có phải lễ không, khi lấy lục người ta để mà cầu cạnh.

Chúng ta đã mắc lầm một cái nghĩa giả dối, một cơ nguy.

Xét cho kỹ ra, « Lễ » là chính mình, chính mình rồi đối với người. Lễ vì mình đã. Ăn mặc, tập luyện nghiêm chỉnh, rồi giao tiếp với người cho xứng đáng.

Chính mình đã, vì thế phải sạch sẽ, phải ngay ngắn phải tự mình trọng cái phẩm cách mình, rồi ra đối với mọi người, cư xử theo lễ phải, trên có phép với người trên, dưới có phép với người dưới, đáng làm thế nào thì làm thế ấy, việc thế nào thì xử thế ấy, không nhằm lỗi để đến nỗi hỏng việc, không rề mình để cho người ta khinh được mình.

Ăn có lễ, mặc có lễ, đi đứng có lễ, làm việc có lễ, giao tiếp với người có lễ, Ờà, ngồi một mình cũng giữ lễ.

Người quân tử cần thận khi ngồi một mình, lúc nào cũng như có mười mắt trông mình, mười tay chỏ mình, cốt cho nghĩ không đến điều tà.

Lễ không phải là cái bó buộc người ta, nhưng từ trên đến dưới đều phải theo, thì kẻ kém đạo đức cũng có thể do hình thức khuôn phép mà giữ được nhân, được hòa, theo được đường con hiếu, cháu hiền, tôi trung của nước, người ích với đời vậy.

Đào Duy Từ thấy chúa quên lễ khi tiếp mình, không vào, là không muốn để cho chúa phải hỏng việc.

Sứ Tàu đến cửa Tập-hiền không xuống ngựa, Thọ Xuân Vương lấy lễ ra trách, không để cho người ngoài khinh được mình.

Lễ là cách cư xử một mình và với mọi người, khiến cho người ta ăn ở với nhau được thỏa đáng, có thể thế-giới mới mong hòa bình lâu bền được.

Những nông nổi nghiêng ngửa, tan nát lúc này, gốc cũng là vì người ta không theo lễ, ăn ở với nhau không lấy nhân nghĩa đạo đức làm trọng, người ta không nói rằng « đi học để tập lễ, tập làm người biết cách ăn ở cho phải đạo giới, biết làm việc ».

Vì lễ đã gồm cả những cách cư xử mình với mình, mình với người, nên khu vực lễ rộng lắm.

Chu Công làm sách Chu Lễ, sắp đặt việc dựng nước trị dân. Quyền « lễ » này là một sách chính trị coi dân là gốc của nước, vua lấy dân giàu làm giàu, lấy dân mạnh làm mạnh; theo phép của Tam Đại mà coi trọng không có gì hơn dân, đến nói rằng: ngoài việc dân không có việc vua nữa

Vua tôi cùng đức, khiến cho nhà Chu có được tám trăm nam chí-trị, thật là nhờ sách Chu Lễ sắp đặt gốc ở yêu dân chớ kuộng cướp dân, vì dân chớ không phải vì thân, gia, vì con, cháu.

Vận Chu xuy, Khổng Tử ra, thì ấy phép không được thi hành, ông người đã học. Ngài viết sách Lễ Ký, một quyển sách ta có thể gọi là « sách luân lý ». Phép nước đã kẻ n, có thể dự g lại được là ở lòng người. Thầy Khổng nói sách Chu Lễ, mà nói về đạo làm người, tất cả quyền lấy một chữ « Kinh » làm gốc. « Vô bất kinh », không cái gì là không phải làm một cách kinh cần. Từ thân mình tới tâm mình, đến việc mình không có một tư hào nào là không kính. Lấy đó có thể theo khuôn phép mà sửa được mình, trị được nước. — Sách Lễ Ký có nói những lễ vua tôi, cha con, anh em, việc giao du, tính thầy trò, ăn ở chỗ. Ờng mặc, việc học âm nhạc việc tập bắn, nói rõ cái ý nghĩa bốn lễ trong đời người ta (quan, hôn, tang, tế).

Đến đời sau có ông Văn Công làm sách Gia Lễ, để rõ ràng phép tắc, lễ lối của các thống lễ và quan hôn, tang, tế. Quyển sách này ta có thể gọi là một quyển « lễ nghi », nói rõ những cách cử chỉ lời nói, để biểu lộ rõ các đức tính, các ý nghĩa của sách Lễ Ký.

Lễ nghĩa là con đường làm người, Vì vậy lễ nghĩa bỏ thì lòng bạc, nước yếu, đời nguy.

Chúng ta đem cái nguyên ý của mấy lễ trọng mà đặt vào những cái hình thức bây giờ xem đã sai lạc đến thế nào để mà liệu chữ.

Đã hay rằng hình thức không trọng bằng tinh thần, song hình thức sai lạc có thể làm cho tinh thần mòn mỏi đi. Hình thức có thể tùy thời mà thay đổi, song không thể đổi đến nỗi làm sai được ý nghĩa, đã không ý nghĩa thì lễ nghi nào cũng là trò đùa thôi.

Quan,

Quan là lễ đội mũ. Một lễ có ý nghĩa rất hay về đạo làm người đáng tiếc quá, lễ này không mấy nhà giữ được nữa. Còn một chỗ, là trong phương pháp Hường Đạo, còn dùng lễ ấy. Người tráng sĩ vào núi theo thầy, học đạo và luyện võ, khi thành tài rồi, làm lễ « hạ sơn » để xuống núi giúp đời. Hường Đạo sinh ngoài hai mươi tuổi, khá đủ đức tính và tài sức rồi thì làm lễ « lên đường ». anh em tiễn đưa, bước lên đường đời, để tìm một tôn chỉ cao thượng mà phụng sự, làm công việc của người quân tử, kẻ tráng sĩ.

Khi lễ quan còn thịnh thì con trai bé đề trá đào, theo mẹ; hơi lớn lên thì bới tóc, làm lễ cài trâm trong gia đình. Đến lúc mười bảy, mười tám, hai mươi, mới cho làm lễ đội mũ ở nhà ngoài. Người ta ăn mặc đủ quần áo rồi mà chưa đội mũ là chưa ra lễ. Cho nên đội cái mũ vào là bắt đầu vào lễ vậy. Làm lễ đội mũ, rồi mới đặt cha lên « tỳ »,

cho ra tiếp kiến các bậc cao tuổi, cao đức trong làng, tổ cái ý đã thành nhân rồi. Từ đó, đối với có thể trách cứ được cái lễ làm con, làm em, làm tôi vua, tôi nước, àn kẻ ít tuổi đối với kẻ nhiều tuổi. Có đủ bốn nét: hiếu, đễ, trung, thận, ấy mới nên người, rồi sau này mới trị người được.

Bổ lễ quan thực là xuy cho thế đạo nhiều lắm.

Hôn.

Lấy lễ cưới gả là một việc âm và dương kết hợp nên lễ làm vào lúc gần tối, vì thế gọi là lễ hôn.

Đó là một lễ lớn, chớ không phải là việc báo cáo cho thiên hạ biết một sự chung chạ. Lễ « hôn » có cái ý nghĩa « kết sự tử tế của hai họ, trên thì thừa kế tổ tiên, dưới để giỗ, truyền con cháu ». Nghĩa chính là thế.

Bây giờ ta hay nói lấy vợ là lập gia đình. Sai, Chính ra thì lập gia đình là từ tổ tiên, lấy vợ là nối dõi gia đình đó.

Trong lễ hôn có nhiều nghi tiết, mỗi nghi tiết thêm một nghĩa hay:

Lễ « diện nhận », sánh hai con nhận, tỏ ý theo nhau suốt đời, như cặp chim nhận.

Lễ « giao bài », vợ chồng vái nhau, tỏ ý kính trọng nhau như khách, chớ không phải coi nhau như khách, mới Vợ chồng có kính nhau, nhà cửa bền vững được.

Lễ « Yết kiến cha mẹ chồng ». Cô dâu dậy sớm, tắm rửa, (rồi tay cầm cái chổi), lên làm lễ chào cha mẹ chồng, để rõ đạo làm dâu, hầu hạ cha mẹ chồng.

Rồi đến lễ quan trọng nhất, lễ « yết miếu », lễ nhà thờ tổ tiên, tỏ ý nối dõi tông đường. Lễ đó thành mới thành vợ chồng. Ý lễ này gần giống như « làm phép cưới » ở những nơi không biết thờ cúng tiên tổ.

Xem một đám cưới thường bây giờ thì thấy rằng: cái nghĩa hai họ giao vui còn có. Chứ đến các ý nghĩa kia thì các hình thức sai lạc đã làm cho quên dần đi. Đã hiểu nhầm « nối » gia đình ra « lập » gia đình, nên cần sắm giường đẹp hơn là lễ tiên tổ. Đến nỗi rằng lễ « yết miếu », cái lễ trọng nhất, đã thành ra một trò vui. Chú rể mặc áo ngắn, lễ ngược ngạnh, nửa cúi, nửa ngửng một cách buồn cười, cô dâu che mặt cười khúc khích, trong khi các bạn phù dâu, phù rể chỉ thiếu một trò vô tay.

Lễ đã không trọng, việc không ra một việc quan hệ, thiêng liêng, không nhớ ý nghĩa, chỉ cần thỏa thích. Đó là cơ của những nơi tan nát.

Tang.

Việc tang lại còn sai lạc nữa.

Nói thế kia ông phải là noi chuyện cái gậy, cái mũ, áo xô, áo gai; chúng nó chỉ là một phần hình thức thôi.

Hãy so sánh hai đám tang.

Nhà Nho có thói « hậu táng ». Ý là đáng sinh ra ta, không nở thấy lấp ở nơi ngồi rãnh. Ôn sâu thì phục nặng; vì nhớ ơn, vì tình cảm mà thế. Không phải là hậu táng thì phải làm tổn nhiều tiền, cứ tấy sức nhà. Thầy Mạnh, cha mất lúc còn hàn vi nên chỉ làm được nhỏ; mẹ mất lúc đã làm nên, hóa làm được to. Hậu ở chỗ hết lòng.

Người ngoài không biết tục ta, ý nghĩa của ta, cho đám tang ta là vui, vì có lộ bộ, có kèn trống, có uy nghi.

Vì thế này. Chúng ta, theo Nho, coi chết như là một cái về thôi. Người trăm tuổi, hay kém, sau khi đã làm trọn việc đời mình, coi cái chết như về, không lo lắng, không phiền não. Giữ mình hết sức cho sống là một việc lớn, nhưng phải chết thì không phàn nàn. Lần đi này là lần cuối cùng, nên con cháu dự cho đủ những lễ nghi, những hành trang, để cho cha mẹ sau khi làm hết việc đời, đi về với tiên tổ.

Đám ma các ông có hai cái biển khắc chữ « Trung tín », các bà, hai chữ « Trinh, thuận ». Văn sấm đem theo, cho đủ, cho đẹp mắt, mà ít hiểu vì cớ gì. Là thế này: một người đã có công với nước, khi mất đi, vua ban cho tên « Thụy » để ghi công. Đó là một sự về vang. Việc tang là việc trọng, cho nên mỗi người dân, dù không giúp nước rõ rệt, nhưng cũng là giúp đời, khi khuất đi, nhà vua cũng ban cho, ông là trung tín, bà là trinh thuận, bốn chữ chủ những đức tính tốt đẹp của Ông, của Bà. Làm như thế nhà vua tỏ ý ân tuất đến mỗi người dân trong nước.

Đối với người chết, đi đến nơi mờ yên mà đẹp là quý, đó là một cuộc đi vui, nên có nhã nhạc, có hành trang.

Màu tang của ta là màu trắng tự nhiên, đó là vì: lòng đau xót, không nghĩ đến trang sức cho mình, mặc đồ « mộc », chớ không chuội, không nhuộm. Hưng Đạo Vương mất, vua Trần đi xe mộc, ngựa trắng, ra Vạn Kiếp thân lo việc trị tang.

Vậy mộc là đề tự nhiên, là không trang sức, chớ không phải là cứ phải chuội cho trắng, hồ cho đẹp.

Phân đau xót là phần con cháu. Con đưa cha mẹ, không nở dứt đi, nên lần đường mà ngăn, niu mà giữ lại, khóc không nên lời, đi không nổi, phải chong gay. Roi mà đen nhọc nhọc, kẻ lẽ loi thôi, là một cái biểu hình, tỏ ra thương mình chớ không thương cha mẹ.

Nói tóm lại: đám tang ta có một phần vui, một phần buồn, vui cho người đi, buồn cho kẻ ở.

Một đám tang lối mới, như thường thấy bây giờ, thì chỉ có ý tỏ cái buồn của kẻ còn, mà lại bắt cả người khuất cũng phải buồn nữa.

Dùng đen làm màu tang, có khi phải đi nhuộm kíp quần áo, đó là có ý trang sức. Lại phủ sọ quan

một cái tạ - quan đen, bắt người chết phải tỏ ý buồn ý nhớ. Âm nhạc ao não để tỏ lòng mình buồn, vì mình, không phải vì người chết. Khúc nhạc, màu áo có khi còn dùng để gọi cái buồn không thật.

Các người đi đưa lại ăn mặc sức sặc, nói truyện ồn ào.

Đến nỗi rằng năm la cờ ngũ hành, năm màu, để đưa người mất về với thái cực, nơi phát sinh ra trời đất, muôn loài, cũng đem làm một màu đen hết, thì còn nghĩa gì.

Đến nỗi học lối mới, đem hoa đi, lại còn thuê vòng hoa cườm giả; che mắt thiên hạ và giữ người chết đến thế.

Những nỗi sai lạc như vậy làm cho lễ tang ra một trò nhố nhăng, không tỏ được các ý nghĩa ta vẫn có, khi tiễn người về với thiên cổ: coi chết nhẹ nhàng và hậu táng. Chôn người chết hoa ra vì mình, hóa ra muốn đẹp mắt hộ thiên hạ.

...

Tế.

Tang đã dùng những hình thức làm sai ý nghĩa, thì tất đến việc tế lễ giữ làm sao được.

« Tế như tại », tế ai, vị thần nào, như người ấy ở ngay đây, vị thần ấy ở ngay đây.

« Sự vong như sự tồn », thờ người chết như hầu hạ người sống.

Đó là ý nghĩa của việc cúng tế.

Vua chịu mệnh trời để chạp dân, thì Vua thay dân mà « tế » trời.

Con cúng tế cha mẹ là tỏ lòng thành kính.

Mỗi người đều theo cái địa vị của mình mà thờ cúng. Thờ cúng không phải vì, đó là mệnh quý thần mà thôi.

Cha mẹ mất, con thế là có cái tang xuất đời. Ngày kỵ cha mẹ là một ngày tang. Người làm con nhớ đến nhờ nói tiếng cười, nhớ chỉ ý của ông cha, nhớ đến những thứ người thích, nhớ đến những thứ người ưa, coi người như còn đó, nên trái sạch mà dâng cúng.

Ngày giỗ cha mẹ, ngày có tang, buồn, tư tưởng đến người khuất, bà con họ hàng đến lễ đề cùng tỏ lòng kính.

Bây giờ nhiều nhà đã đề lạc mất cái ý nghĩa hoài vọng, cung kính ấy. Ngày giỗ đã gần như ngày mời khách uống rượu. Có khi mời được khách sang mời làm cỗ to, không có thì cũng gọi là. Rượu tan rồi còn hư đến cỡ bạc. Một hạng người lại coi đó là một dịp thu tiền.

Tế sai thì bàn thờ khó mà bày đúng lối. Trong gia đình chúng ta có bàn thờ là có cái ý nghĩa gia đình bền vững. Chính gian giữa nhà có bàn thờ cho trên có tổ tiên, dưới có con cháu.

Ngày tế lễ, nhắc công đức tổ tiên cho con cháu cố theo. Cố theo không phải là phải kém. Con hơn cha vẫn là nhà có phúc. Làm vang tiếng ẵm đẻ rõ rệt cha mẹ, vẫn là một điều hiếu. Nhà có bàn thờ nhắc cho con cháu cố gắng mà làm nên công nghiệp con cháu cố giữ di đưng làm điều hậu bệ để diêm nhục tổ tiên. Bàn thờ còn đó để bao giờ cũng nhớ luôn rằng: không có con là một tội bất hiếu lớn. Muốn tránh tội ấy thì giòng giống mới sinh sôi nảy nở. Giòng giống mỗi nhà đều phần thịnh thì nước mới vững bền.

Thờ cúng tổ tiên có quan hệ đến nước là ở chỗ đó.

Cúng cốt thành kính, vậy bàn thờ cốt sạch sẽ, đồ cúng cốt chong chéo. Bàn thờ không phải là nơi bày đồ chơi, nơi khoe khách.

Trong lễ thi tính thần và hình thức thật có quan hệ với nhau, Tính thần không có hình thức thì không rõ rệt, hình thức sai hỏng thì làm tính thần lạc lõng.

Tính thần chúng ta vẫn còn, nhưng các hình thức nhật phạm một cách vội vàng đã gây thành một cái nguy lớn cho tâm chí.

Xưa nay chúng ta vẫn xưng là « một nước lễ nghĩa ». Nền móng văn hóa của chúng ta ở cả đó. Chúng ta khác người ở chỗ đó, tự hào được cũng ở chỗ đó.

Không thể nói được rằng ở thế kỷ khoa học này tế không can hệ gì.

Đã nói: người ta khác loài vật ở biết lễ. Có biết lễ mới biết đạo người. Đạo đức, nhân nghĩa có lễ mới có đạo đức, nhân nghĩa, tại do đó mới sửa được mình, nhà được yên, nước được mạnh, thiên hạ được thái bình.

Khoa học thật cần lắm, nhưng khoa học chỉ là một cái lợi khí. Cái lợi khí ấy phải có để làm được việc trong thời này. Nhưng bỏ lễ nghĩa thì không biết cách dùng khoa học, cái đồ rất tốt ấy, nhưng cũng rất có thể có hại ấy, sẽ dùng nhầm, sẽ theo ông đức không bờ bến mà làm hại.

Cảnh tượng đời này đấy!

Làm người làm được thời phải có chí khí. Chí khí chỉ có được khi người ta có thể tin được ở phẩm cách mình. Nếu bỏ phẩm cách ta là cái cốt thì tin ở mình về cái gì.

Vậy nghĩ đến lễ nghĩa thì ngoài vì thiên hạ, mà trong vì nước đó. Giữ cho văn hóa tổ quốc bền vững, giữ cho người Nam một cái cốt cách « lễ nghĩa » cũ giúp sức bằng « khoa học » mới.

HOÀNG ĐẠO THỨ

Hiển p

II

Nguyên-nhân cuộc cách-mệnh Tân-Hội (1911)

NĂM Tân Hợi (1911) đánh dấu trong lịch sử Trung quốc một thời đại mới, năm ấy tức là Trung Hoa Dân quốc nguyên niên.

Nhà Nho ta ở Hà Nội, chắc còn nhớ những tràng pháo long trời dậy đất của Hoa kiều ăn mừng cuộc thành công cách mệnh và đòi câu đối dân ở Hội quán, khiến kẻ hữu tâm trông thấy phải chạnh lòng.

« Cách mệnh trấp dự niên, chí sĩ nhân nhân, nhập tử xuất sinh, kim nhật hạnh năng hưởng túc nguyên »

« Thành công tam cá nguyệt, Hoa kiều, Hoàng duệ, khánh ca nhạc chúc, bách niên hân cộng hưởng bình quyền ».

Muốn thấu rõ sự quan hệ cuộc cách mệnh ấy với hiến pháp Trung Hoa, ta hãy cố tìm nguyên nhân, kết quả cùng là tinh cách tương đối của nó trong đoạn lịch sử vừa qua.

Nguyên nhân cuộc chính biến năm Tân Hợi có thể tóm tắt làm ba mục: về học thuật, chính trị và kinh tế.

Về phương diện học thuật, tự tượng Âu Mỹ tràn sang Trung quốc rất nhiều về cuối thế kỷ 19 và đã thấm nhuần rất sâu vào óc não phá tri thức. Học qua những đoạn lịch sử ban đầu của nước Mỹ năm 1776, nước Pháp năm 1789, Thanh niên Trung Hoa, đã biết bao nhiêu người nao nức muốn đả đảo chính thể chuyên chế của Thanh triều.

Với tấm lòng hăng hái giữa tuổi trẻ, họ muốn lập ngay ở Trung Hoa một chính thể dân chủ như ở các nước Âu Mỹ. Ngày 21 tháng chạp năm 1903, lúc còn ở Honolulu, Tôn Văn viết trong một tờ báo tiếng Anh rằng: «...mỗi lĩnh vực của Trung quốc cũng như một tiểu bang của nước Hoa kỳ, và chúng tôi mong rằng nước Trung hòa sẽ có một vị tổng thống cầm đầu như nước Mỹ ».

háp Trung-hoa

PHAN ANH

Cả đến những phần tử rất ôn hòa, như Lương Khải Siêu là một nhà học giả chủ trì bảo thủ Thanh triều và chế độ quân chủ lập hiến, mà cũng phải viết rằng: « Kim dân gian sảo hữu tri thức giả mạc bất thống tâm tạt thủ chuyên chế chính thể » (ngày nay ai là đã hơi có chút tri thức mà lại không đau lòng về chính thể chuyên chế).

Nhưng thật ra, những khuynh hướng, học thuật không đủ gây một cuộc chính biến như cuộc cách mệnh Tân Hợi. Phải có những nguyên nhân khác mạnh hơn và kịp hơn, về chính trị và kinh tế.

Về phương diện chính trị, Thanh triều gặp rất nhiều sự thất bại về cuối thế kỷ 19 — Đòi với liệt cường, chiến tranh mấy lần bị thua, phải sể dặt, nhượng quyền — Trung quốc xưa nay vẫn tự hào là một thượng quốc ở hoàn cầu, nay bỗng như tê liệt.

Trước cái họa diệt vong ấy, ai là không lo lắng cho tền đồ tổ quốc; ai là không mong một sự cải cách để đưa Trung quốc ra khỏi vòng nguy! Năm 1897 Khang hữu Vi đề nghị một chương trình cải cách. Nhưng thế lực phản động rất to, lại có thái hậu Từ Hi đứng đầu, nên sự cải cách đó không có kết quả — Đến năm 1899 Khang hữu Vi, Lương Khải Siêu và đồng chí là phần tử đang cầm quyền và chủ trì sự cải cách, đều bị đào thải. Tám người bị giết, còn nửa đều phải chạy trốn. Khang và Lương đều chốn sang Nhật.

Thái hậu Từ Hi mất, phần tử bảo thủ yếu thế, vua Quang Tự mới dám ban một đạo dụ ngày 27 tháng âm năm 1908 trong đó chính phủ dự định lập một Nghị Viện có quyền tham dự với nhà vua về công việc lập pháp, định ngân sách và thuế khóa.

Nhưng chương trình cải cách ấy quá dụt dè, và nhất là thái độ chính phủ Thanh triều lại quá dụt dè, nên rốt cuộc đạo dụ 1908 cũng không thực hành được.

Muốn tả được cái tình thế của dân gian đối với chính phủ lúc bấy giờ, không gì bằng dẫn sau đây lời của Lương Khải Siêu, cảnh cáo

những người đương đạo trong một bức thư ngỏ: « Phong trào thế giới ngày nay, chuyển từ Tây sang Đông, mỗi ngày một gấp... Sự chuyển động này là lẽ tự nhiên của giới, không ai ngăn cản được. Đem Châu Cộng Quân Trọng phục sinh cũng không cản nổi, huống hồ các ông. Nếu các ông biết thuận chiều mà đi, thì công thành, danh xứng, mà quốc gia được yên, nếu các ông trái giòng, ngược gió thì thân danh vong liệt mà nước nhà nguy khốn... Phương-nghôn Tây có nói: « làm việc dễ cách cũng như lăn tảng đá to ở trên giốc xuống. Khi tảng đá tới đích thì mới dừng lại được ». Câu nói ấy thật là chí lý! Thời thế xoay, các ông đã không cản trở nổi, thế mà các ông lại đòi lúc muốn ghìm, các ông thật nhảm to! Thời cực nội trị bây giờ cũng chẳng khác gì thời cực ngoại-giao khoảng 4, 5 mươi nam về trước. Trước kia liệt cường yêu cầu Trung quốc thông thương; thông thương có hại gì mà các ông tìm cách ngăn trở mà rốt cuộc có ngăn trở được đâu. Ngày nay, về vấn đề nội trị, quốc dân yêu cầu cải cách; cải cách có hại gì mà các ông cứ ngăn trở. Trung quốc cũng như một người xưa nay giam trong nhà tối, đóng cửa. Nếu cứ dè thế mãi mãi, thì cũng quen, không làm sao cả. Nhưng bây giờ đã mở cho một cái cửa để được trông thấy thiên hình vạn tượng của thế giới ngoài, mà lại muốn đóng lại, thì đóng làm sao được! Huống chi là đã cho ra ngoài dạo xem phong cảnh, nếm các thứ của ngon vật lạ, mà nay lại bắt giam vào trong nhà kín thì trách gì mà không phá tường để thoát ra ngoài! » (Âm Bằng).

Đầu sao, Lương Khải Siêu cũng chỉ chủ trì sự cải cách, một sự cải cách ôn hòa. Lương không phải một phần tử cách mệnh.

Nhưng trong nước Tàu, lúc bấy giờ, đã có nhiều người có ý kiến cực đoan hơn, và hoạt động đề tới cuộc cách mệnh năm 1911. Trong số ấy, có Tôn Dật Tiên. Trong một tờ tuyên ngôn với đồng bào, Tôn viết rằng: « Chúng ta là những người không có tổ quốc. Khi ta ở ngoại quốc mà bị xâm phạm, chính phủ Thanh triều có bệnh vực được ta đâu. Ta còn để đuổi sam

làm gì ? Đuôi sam là tiêu biểu sự nô lệ với nhà Thanh. Ấy thế mà ở quốc nội hễ không đề đuôi sam là bị tử hình. Chúng ta lo liệt cường chia xé Trung quốc: có nhiều người chủ trương lập một chế độ quân chủ lập hiến, nhưng theo ý tôi như thế là nhầm. Không có lý gì mà ta lại không thể có một chế độ dân chủ. Mà Trung quốc bây giờ cũng đã là một nước dân chủ phôi thai rồi ».

Lời tuyên ngôn ấy phát biểu năm 1903. Tám năm về sau, sự ước mong ấy đã thành sự thực.

Công cuộc cách mệnh chóng xong như thế, một phần do sự hoạt động của những phần tử trí thức như Tôn Văn, nhưng một phần lớn cũng bởi sức của Hoa Kiều buôn bán ở hải ngoại, và nhất là những nhà doanh nghiệp ở trong nước: đó là nguyên nhân thứ ba, thuộc về mặt kinh tế.

Kinh tế Trung quốc, hồi bấy giờ có thể chia làm hai ngành chính: nông nghiệp và thương nghiệp. Kỹ nghệ hãy còn sơ sài, đại công nghệ và nhất là trọng công nghệ thì có thể nói là chưa có. Còn các tiểu công nghệ thì cũng có thể coi như là chi phối vào ngành thương-nghiệp.

Nông nghiệp là đại bộ phận của Trung quốc, nông dân chiếm đại đa số. Nhưng nông dân ở Trung quốc đối với chính phủ rất ít liên lạc, bởi vì nông dân sống trong phạm vi độc lập của gia tộc và hương đảng, và dầu chính thể nào thì quy mô, gia tộc và hương đảng cũng bất dịch. Dĩ chi, một nhà luật học rất am tường chính trị Trung quốc, phê bình thái độ dân chúng đối với chính phủ như sau đây: «...Nói thật ra, ít nơi được như ở Tàu, từ xưa đến nay, dân chúng không cần đến chính phủ và không có chính phủ cũng không hại gì lắm». (Escarra).

Đã vậy thì lẽ dĩ nhiên đối với nông dân, chính thể nào cũng được, bất cứ quân chủ hay dân chủ. Họ không thù cự mà cũng không duy tân; họ đứng đưng đối với vấn đề chính trị; vả chăng họ cũng rất ít học thức, không phân biệt nổi chính thể nọ với chính thể kia.

Trong chính trường, họ là phần thụ động, chứ không phải phần tự động.

Phần tự động tức là những thương gia ở thành thị.

Thương gia phần nhiều có học thức hơn nông gia, giao thiệp nhiều với ngoại quốc, nên về chính trị am hiểu hơn.

Trong lúc tiếp xúc với người ngoại quốc, họ nhận thấy tài năng của người ngoại, và lẽ dĩ nhiên họ liền tưởng rằng chính thể của nước ngoài hay hơn chính thể Trung quốc. Huống hồ đại đa số người ngoại quốc tới Trung hoa là người Anh, Mỹ, thì Trung hoa lại càng tin chính thể dân chủ là hay.

Vả chăng, buôn bán cần nhất ở hai điều kiện là trật tự trong nước và tự do thông thương. Về hai điều kiện này chính phủ Mãn Thanh đều bất lực. Trong nước hay có nội loạn, khiến sự buôn bán đình trệ; mà đối với ngoại quốc thì chính phủ hay nghi kỵ, dầu có ký hiệp ước nhưng vẫn không muốn khuếch trương ngoại thương, cho nên thương gia rất mong có một chính thể khác vừa có đủ quyền lực để bảo toàn sự nội trị và có xu hướng khuếch trương ngoại thương.

Chính những phần tử ấy ở các đại thành thị miền nam nước Tàu đã giúp tiền và giúp sức cho cuộc cách mệnh Tân Hợi được thành công và ta nên nhận rằng đa số phần tử cách mệnh là người Quảng Đông, một tỉnh có tiếng về thương nghiệp.

PHAN ANH

KỶ SAU:

Tinh-cách và kết-quả cuộc cách-mệnh Tân-Hợi.

CẢI CHÍNH

Trong bài « cuộc tiến-hóa của nền tư-bản » số 41 ngày 16 Juillet 1943, có những chỗ sau này in nhầm xin cải-chính :

— trang 11 giòng 32, cột 2

... « phần công là cho sự nhanh chóng » xin đọc là « ... phân-công là làm cho sự sản-xuất được nhanh chóng ».

— trang 12 giòng 7 (cột 1)

... « đề tiến-hóa thanh sắt thành » ... xin đọc là « ... đề chế hóa thanh sắt thành ... »

— trang 12 cột 2 giòng 24

« ... bỏ bớt sự chuyên môn ra ... » xin đọc là: « bỏ bớt sự chuyên-môn đề ... »

— trang 27 cột 1, giòng 3

« những lý nhệ hiện đây ... » xin đọc là những lý nhệ trên đây ... »

— trang 28 cột 1 giòng 22

sau câu « ... đoàn-thể dân-chúng » xin xuống dòng

— trang 28 cột 2 giòng 27

« ... mua được hồi 1906 » xin đọc là « mua được năm 1906 ».

Các chất sinh tố trong ĐỒ ĂN CỦA NGƯỜI VIỆT-NAM

===== NGUYỄN BÌNH HÀO =====

CÁC chất sinh-tố (vitamine) mới khảo-cứu ra ngoài hai chục năm nay, nhưng địa vị nó trong khoa-học mỗi ngày một lan rộng ra nhiều. Các chất ấy, ta có thể gọi nôm là chất tươi được, có rất ít trong đồ-ăn (từng một phần nghìn của milligramme), nhưng thiếu nó thì người ta cũng như các giống vật khác, sẽ sinh hoạt một cách thiếu-thốn, hoặc không nở nang được, hoặc sinh ra nhiều chứng bệnh nguy-hiêm. Hiện nay người ta tìm ra được nhiều thứ vi-ta-min, nhưng đây tôi chỉ nói đến bốn vi-ta-min chính (A. B. C. D.), là những thứ người ta đã khảo-cứu tường-lập hơn và thường dùng đều hơn.

Trong các món ăn của người mình, ngoài những thứ đầu đầu cũng dùng đến, có những thứ chỉ có ta dùng hoặc ta dùng nhiều hơn người nước khác. Ta nên biết những món ăn ấy bổ-ích cho ta như thế nào?

1-) *Vi-ta-min A*. — Vi-ta-min này cần cho sự nở-nang của da thịt, nhất là các màng mỏng trong người.

Thiếu hẳn chất này thì người không nở-nang được, mắt cần rất chóng: các màng mỏng của các cơ-thể yếu đi, rồi rất bị các vi trùng ăn phải, phát ra những bệnh rất nặng.

Thực ra thì ít khi người ta thiếu hẳn vi-ta-min A. Phần nhiều là ăn không đủ dùng thôi. nhất là trẻ con. Đứa bé không lên cân nữa không thích đùa nghịch, không muốn ăn, đi ngoài sấu. Ít lâu nữa. mắt kém đi, cứ đến tối thì không trông rõ nữa. Để lâu không chữa mắt càng mờ đi, con người dục lại, rồi mù hẳn.

Người ta mỗi ngày cần ít ra là 1.000 unités internationales, thường là 2.000 hay 3.000 U. I.

Nhiều đồ ăn có vi-ta-min A

1-) Thịt, cá đều có ít nhiều cả. Nhiều nhất ở trứng (trứng gà hay trứng vịt), beurre (mỡ lợn) có 1.200 U. I.).

2-) Trong các thứ hạ thì đậu xanh là có nhiều trong một lượng có từ 150 đến 400 U. I.

3-) Trong các củ thì cà-rốt dẹt đầu (một lượng có 1900 U. I.), khoai lang (nhất là khoai nghệ).

4-) Rau cỏ có nhiều vi-ta-min A, nhất là những thứ này: cải bẹ trắng (14.000 U. I. trong một lượng), rau muống tây (épinard, 9000 U. I.), rau muống ta (4.000) cải bắp, rau cải.

5-) Hoa quả: cà-chua (từ 800 đến 2.000 U. I.), xoài (từ 1000 đến 5000), đu đủ chuối.

Vi-ta-min chịu được sức nóng và chỉ tan trong chất mỡ thôi, nên các thứ kê trên, khi nấu thành món ăn, vẫn còn nguyên cả vi-ta-min.

2-) *Vi ta min B1*. — Vi-ta-min này rất quan hệ với ta vì có liên can đến bệnh lè, là một bệnh rất thông hường ở xứ ta. Bệnh này phát ra khi người ta ăn thiếu nhiều hay thiếu hẳn vi-ta-min B1: hai chân, cò khi cả hai tay uể, mềm nhũn ra, không nhấc lên được, người không đi được, không cầm được. Nhiều khi lại thêm phù cả chân, cả mặt nữa. Nếu bệnh ăn vào tim thì tim đập rất mạnh, người rất khó thở, có khi chết một cách rất chóng.

Thiếu vi-ta-min B1 thì trẻ con sút cân đi, kém hẳn ăn, bụng căng rã, đi ngoài khi táo khi lỏng, nhiều khi táo chặt lại, khó ngủ hay gầy gò, thịt nát, nặng mặt nặng thân, chân tấy yếu đi.

Nhiều người ăn không tiêu và hay lão cũng vì thiếu vi-ta-min B1.

Trong các đồ ăn của ta, những thứ này có nhiều vi-ta-min B1 nhất: gạo, đậu xanh, lạc.

Gạo có nhiều vi-ta-min B1, nhất là cám, và gạo say doi. Những thứ gạo say máy cho thật trắng, thật nhẵn, thật bóng thì mất gần hết vi-ta-min. Ta chế gạo máy ăn nhai nhẽo có lẽ một phần vì thế.

Vi-ta-min B1 rất dễ tan vào nước và không chịu được sức nóng, nên tùy theo cách dùng, ta có thể làm mất một phần sinh-tổ của gạo đi được. Trước khi ta thổi cơm, ta phải vo gạo cho thật kỹ, bao giờ nước vo gạo thật trong mới thôi; làm như thế, mất một phần lớn vi-ta-min B1 đi. Có nhà bác-học đã thử đem thí-nghiệm thì thấy rằng gạo vo thật kỹ có thể sinh ra bệnh tê được. Nước vo gạo sẽ dễ dùng nuôi lợn được, một phần lớn là vi-ta-min B1 ở gạo ra.

Thổi cơm như ta thường thổi, không chắt nước ra thì không mất vi-ta-min. Nếu chắt nước ra thì mất đến hơn hai phần chia ba vi-ta-min đi.

Trong gạo có nhiều vi-ta-min B1, ta ăn gạo nhiều, tại sao xứ ta lại nhiều người mắc bệnh tê? Một nguyên-nhân là vì nhiều khi ta ăn gạo hoặc say kỹ quá hoặc để lâu quá, trong hai trường-hợp ấy đều mất cả vi-ta-min đi. Những nguyên-nhân là như sau này: trong gạo có đến 70 phần 100 là chất glucide (chất ngọt), Chất này cần phải có vi-ta-min B1 mới tiêu-hóa trong người được. Ăn nhiều gạo, nghĩa là nhiều chất glucide tức là cần nhiều vi-ta-min B1: một phần ở gạo ra, một phần ở ít nhiều trong các đồ ăn khác. Một khi ta ăn kiêng quá (nhiếp-sân-phụ chỉ ăn cơm với nước mắm trung hoặc một vài món khô khan khác), ta sẽ thiếu vi-ta-min B1, vì thế bệnh tê có thể phát ra được.

Còn một trường-hợp nữa bệnh tê có thể phát ra được, là khi người ta làm việc nhiều hay người ta ốm đau mà ăn uống không đủ tâm-bổ. Vi-ta-min B1 rất cần cho các thớ thịt và đường gân: trong hai trường-hợp trên, thịt và gân càng cần dùng nhiều vi-ta-min B, hơn lúc thường. Nếu ăn thiếu thì bệnh tê sẽ phát ra. Vì thế những người ốm lâu mà ít được tâm-bổ thường bị tê, cũng như những phụ phen làm vất vả mà ăn uống thiếu thốn.

Đậu xanh cũng là một món ăn rất nhiều vi-ta-min B.— Nước luộc đậu xanh có thể chữa được bệnh tê. Cái món ăn của ta như cháo đậu xanh, chè đậu dãi, bánh đậu xanh, những bánh có nhân đậu xanh, sô-i đậu xanh đem lại cho ta được nhiều vi-ta-min B1.

Món giã của ta làm bằng đậu xanh, cũng có nhiều vi-ta-min B1.

Vi-ta-min ấy cũng rất nhiều trong lạc, nhưng luộc lên hay rang lên thì mất đi một phần to,

3) Vi-ta-min C.— Người ta cần nhiều vi-ta-min này hơn các thứ khác: mỗi ngày một

người cần một milligramme thứ B, ba milligrammes thứ A, một phần mười milligramme thứ D, mà phải cần đến 50 milligrammes thứ C.

Những trẻ con nuôi bằng sữa hộp, sữa hấp, bột đóng hộp, thương thiếu vi-ta-min C: gầy đi, kém ăn, hay quấy, xanh xao, lợi răng sưng và hay chảy máu ở lợi; sưng yếu đi, hay đau có thể tự nhiên gãy được. Bệnh nặng thì máu ở lợi chảy ra nhiều, chảy máu cam, chảy mồm ở da thịt.

Vi-ta-min C có nhiều ở các rau cỏ hoa quả.

Rau muống, rau cải bẹ trắng, ớt, giá, tỏi tây đều là những thứ có nhiều vi-ta-min C.

Các hoa quả này cũng thế: chuối, đu-đu, soài-cam, tranh, quýt.

Những trẻ con nuôi bằng sữa hộp hay sữa hấp, cần phải ăn thêm nước chanh và nước cam.

4) Vi-ta-min D.— Vi-ta-min này rất cần cho trẻ con, thiếu nó, đứa bé sinh ra gầy còm xanh xao, đờ đẫn, hay lên kinh, thịt mềm nhũn, nhất là sưng rất mềm yếu, hóa ra cong queo.

Những người mắc bệnh lao, những sản phụ những người gầy yếu đều cần đến vi-ta-min D.

Vi-ta-min này rất có nhiều trong dầu gan cá thu.

Ở xứ ta, ít khi thiếu vi-ta-min D, vì có ánh nắng mặt trời quanh năm, mà ánh nắng mặt trời có thể sinh ra vi-ta-min D, trong các sinh-vật ta ăn thịt hay các rau cỏ, hoa quả. Chính ngay trong da thịt phơi ra ánh nắng cũng có thể sinh ra vi-ta-min D được. Vì thế vấn-đề này không quan-hệ với ta lắm, như các thứ sinh-tổ A, B, C.

Kể qua các thứ sinh-tổ và các món ăn có sinh-tổ thì ta thấy rằng trong các món hoàn-toàn Việt-Nam hàng ngày, nhiều món có lắm sinh-tổ. Rau muống, rau cải, đậu xanh, giá, khoai lang, đu-đu v. v. có người cho là « què mùa » nhưng rất bổ ích cho ta.

Về phương-diện khác, ta còn những đồ ăn đáng quý khác nữa: đậu phụ, tương, nước mắm.

Tất các món ăn ấy lại có cái đặc-diểm đáng quý trong lúc khó khăn này là dễ kiếm và rẻ tiền.

Dùng các món ấy, ta có thể không cần đến những thứ khác có lẽ ăn « thích khẩu » hơn, nhưng chắc chắn là đắt hơn và nhất là không bổ hơn.

NGUYỄN ĐÌNH HÀO

ÔNG lão đào
huyết ở San
Rocco đã chết
rồi.

Ngày nào,
ngoài phố,
người ta cũng
rao lên rằng
chỗ lão chưa
ai làm. Thế mà
ba bốn tuần sau
vẫn chẳng có

người nào xin. May cũng chưa có ai chết ở San
Rocco, thành cũng không vội. Còn chán thì
giờ, hãy đợi. Người ta đợi... Rồi một buổi chiều
tháng năm, một người lạ mặt vào tỉnh, nhận xin
làm. Trông thấy chàng đầu tiên là Gita, con gái
quan tư-pháp. Nàng không rõ chàng vào buồng
giấy cha mình lúc nào, chỉ gặp lúc ra. Chàng đi
thẳng lại trước mặt nàng như biết chắc thế nào
cũng gặp nàng ở chỗ lối đi tối mờ mờ này.

Chàng lên tiếng hỏi, giọng nói dịu dàng rõ người
ngoại-quốc:

— Em có phải con gái quan không?

Gita gật đầu, theo người đàn ông ra phía cửa sổ;
yên lặng và ánh chiều tà, từ ngoài phố, lọt vào.
Hai người nhìn nhau chăm chú. Gita mãi mê nhìn
khách lạ đến nỗi thoát tiên nàng không tưởng
rằng khách cũng đứng sững nhìn nàng. Chàng
cao mà mảnh, mặc bộ quần áo du lịch màu đen,
kiểu may kỳ quặc. Tóc vàng, cắt theo lối quý phái.
Vả cứ trông người cũng biết là lịch sự. Hẳn một vị
trạng sư hay thầy thuốc gì đấy. Thế mà chỉ là một
anh phu đào huyết, có lạ lùng không! Vô tình, nàng
giơ tay nắm tay khách lạ: chàng đưa cả hai tay như
đưa trẻ mà rằng:

— Công việc có khó gì.

Gita nhìn hai bàn tay khách, chỉ nhìn có hai bàn
mà cũng cảm thấy sự tươi của chàng bao học
người nàng như một tia nắng.

Cả hai ra tận cửa. Ngoài phố đã xám xám tối.

— Có xa không? Khách lạ vừa nói vừa đưa mắt
nhìn giấy nhà đến tận cuối phố: phố lúc đó vắng
tanh.

— Không, chẳng xa mấy, nhưng để tôi đưa bác
đến tận nơi! Bác không phải người vùng này thì
thuộc đường làm sao được.

— Thế em biết đường à? Ngồi lên trong khách hỏi.

— Tôi thuộc từ thửa bé vì đường đưa tôi đến
chỗ mẹ tôi nằm. Mẹ tôi mất sớm lắm, mà ở ngoại
châu thành. Chốc rồi, tôi chỉ chỗ cho.

Hai người lẳng lặng cùng đi, bước chân hòa
tiếng trống đêm vắng. Bỗng nhiên, chàng mặt đỏ
đến hỏi:

NGU'Ò'I PHU ĐÀO HUYẾT

== NGUYỄN QUY BINH và L. H. V. ==

— Gita, em
bao nhiêu tuổi?

— Mười sáu
— con bỏ thẳng
người lên đề
nói;

— Mười sáu,
rồi uổi ngày
lại thêm lên
một chút.

Người lạ mỉm
cười. Nàng mỉm
cười theo, hỏi

lại:

— Còn bác, bao nhiêu tuổi?

— Gita ạ, tôi nhiều tuổi hơn Gita, nhiều gấp đôi
mỗi ngày lại, càng hơn, hơn nhiều.

Hai người đã đến trước nghĩa địa. Nàng lấy tay
chò qua trán song cửa lớn, một ngôi nhà nhỏ, đầu
hèn kia nghĩa-trang, cây leo che kín mà rằng:

— Chỗ bác ở đấy, ngay cạnh nhà nhỏ.

Khách lạ chăm chú ngắm xứ sở mới của mình:

— A, A, ra ở đây! Ông lão trước tôi chắc già
lắm.

— Phải. ông ta già lắm, ở đây với bà vợ, cũng
nhiều tuổi rồi, Ông ta mới chết, bà ta đã bỏ đi,
chẳng hiểu đi đâu.

— Thế à.

Khách lạ miệng nói mà bụng như nghĩ đầu đáp
Rồi quay lại bảo Gita:

— Thôi, bây giờ, thì em đi về khuya lắm rồi.
Về một mình có sợ không?

— Ồ không! tôi bao giờ cũng lui thủi một mình.
Thế còn bác ở lại đây có sợ không?

Khách lạ lắc đầu, cầm tay con bé khẽ nắm chặt
thăm giọng:

— Tôi cũng vậy, tôi chỉ có một mình

Ngay lúc đó Gita, hồn hèn, thầm thì: «Bác nghe»
Một con sơn ca nấp trong hàng rào gai góc của
nghĩa-địa, cất tiếng hót. Tiếng hót lanh lảnh bay
lên, học hai người vào như nhung, sung sướng.

Ngày sáng hôm sau, bác phu đào huyết mới của
tỉnh Sau Rocco bắt tay vào việc. Chàng có một
quan-niệm kỳ về nghề mình. Nghĩa trang biến
thành một khoảng vườn rộng nằm dưới hạ nở
vời giầy leo uốn éo, các ngôi mộ cũ queo hết sâu
bí. Bên kia lối đi chính, xưa chỉ có một giã cỏ
hoang. Giờ đánh thành từng luống, từng khu
trông tựa như những ngôi nhà. Hai bên ng ả địa
hóa ra cân đối. Người trên tỉnh xuống, eo óc khó
khăn mới tìm thấy một người thân.

Dan tỉnh San-Rocco từ đó nhìn thấy ng ả trang
hàng tỉnh, bớt thấy cái chết cảnh cánh bên lòng.
Tháng khi có kẻ nằm xuống — mà vào tiết xuân
này chỉ lắm ông già, bà cả ăn xôi — con đường ra

Bao nhiêu biến cải ấy, Gita đều chứng kiến
phải, nhiều cả ngày nàng ở đó với người lạ mặt.
Nàng nhìn chàng làm việc, đôi bên chuyện trò;
một người dạo, cả hai cười, tiếng thường chốc
chốc to, tiếng ngắt câu chuyện:

khuya, tôi vẫn nghe rõ hồ. Bể sấm mà dư, dần
vẹn bề buồn mà ít tôi. Xuân đến, bề huyên tuần
mang bão táp về, vật trôi. Hồi ca, có còi, lần tháng
năm đẹp vậy. Mùa xuân, rồi mùa hè, bề đồng
bằng gấm gò, đất area màu.

— Cho bác ở đây, nhà này đẹp lắm. —
— Khách là chủ nhà, xin mời chú ngắm xu sở mới của mình.

nằm trên bãi cỏ ; cũng chẳng ai thấy thế mà sợ :
họ thản nhiên chào thầy mà như đã biết trước từ

hòn đảo nhỏ, bề mặt sắc trắng lại vung vãi
người sống không còn cho là là như bị thầy

rằng cái sống mới hơn cái chết nhiều.

— Vậy mà mẹ tôi chết thật rồi. Khách là đúng tay, ti vào chiếc thuyền

Giữa âm điệu:

Vi nhiều người muốn chết, em không muốn sống
mọi chết thì o; họ chết cũng với các người kia.

hỏi họ ước vọng gì, là chỉ một gặp cô một người

được? Nào ai miêng thì thế nhưng ý muốn này

Mùa hè tới. Tiếng hát của chim bắt đầu thiếp

la, quê miền Bắc, rồi, Ở nhà, nào mắng, nào phạt

Nguồn lạ, khe chào, diễm tình giả dối những câu
trần mông.

sao được cô đến với tôi, đến gần thân-mẫu cô.
Nào ôi có cho gì hết hen ơi, tuyệt nhiên không

Chàng nói, xê lê phép nhưng ông quyết, rồi
chàng biết nói thêm gì nữa. chàng nói, mỗi is

hức rao cho bổ công khe-nhọc bấy lâu. Bấy giờ

oai nghiêm. Giữa hơi, khách gần nơi, mỗi lần tại
yên là g g h i a n o n g k h i m o t t a i x u n g q u a n h d e n

Mồ lã, sau khi rửa sạch, chắt lấy nước, đun sôi, lấy nước này rửa lần nữa.

chết mà vớ yeu. Họ ay vào khoảng thu chẳng biết

— Thế nàng có muốn chơi không? Cười thấy

8. Nàng muốn chơi Gita a. Nàng muốn cái khác
không giống nhau lắm. b. Nàng muốn cái khác
chứ không muốn sống nữa. Quan trọng là nó

mà mình lấy này gắp vào. Thửa bé, nàng không

— Nhưng chẳng lẽ ông có biển hồ không?

gân nang và được nang yêu. Vậy mà hai người
không biết nhậm dân. Người đời vẫn thích biết

nhau nhau lại càng khác biệt nhau nhiều. Họ chỉ

không phải chỉ hai người, họ lại chẳng cho họ
hết nhau, còn nhau nữa. Nhưng tôi đương nói về

mai. Chồng thức thâu đêm, ngồi cạnh nhìn vợ

phố hoa. Nhưng rồi cái chết đến, thoải dứt nàng đi

quốc xuống lại mở ra như vỏ con ốc chết rồi. Chẳng
chàng thế đã đòi mất một phần của chúng ta.

100

trong một giờ, uệt với dập dề, đã được thấy cũng
nguồn sông này trên mái vòm; chẳng hiểu ngay rằng
đó mới là đời sông trên trần mắt của hàng triệu
đời sông chàng không hề được biết. Cái chết có
chớp được nó đâu! chỉ cuộc nổi muôn ngàn vòm
sông về nơi bọt trắng bọt trắng. Toàn sông bị

[illegible][illegible]

2. **Giới thiệu:**

—Sau rồi chàng ta ra đi, em bảo anh chàng đi còn làm gì hơn được nữa?

Hầu như tất cả những người sống sót, cũng như những người còn lại, đều không sao gần gũi và thân thiết nhau được. Cái khổ của con người là như thế chứ có đâu vì phải chết».

một con thỏ trắng nhỏ xinh xinh, nó quen người
quá nên chẳng rời em một phút nào. Vội nó ôm
cổ sung lên : Hó đau đớn như người vậy. Nó nhìn

Rồi nó không nhìn em nữa, chết rũ trong lòng em,
như thể vãn sông cô độc, cách xa em hàng ngàn
dặm.

quyền luyện ta. Hơn hện mà không giữ được, thiệt là đáng tội! Đó là một việc cần làm năm ba giờ cũng xong. Người ta cũng vậy, có đức khác rằng, người với người thì đôi cả đối diện, phạm lỗi với nhau, tức là yêu đó. Có thể thôi. Gita à, rút lại thì có thể thôi. ngày sau nói là có nói vậy.

lâm rười. Đất trồng rau, hai người thùng tăng đi
trong nhà-dịa, không ai nghĩ rằng có thể
khắc được hay tính giat du của họ có thể thay
đổi không thể cần đi lại; miệng họ nói

khánh, một sự kiện khác là đời sống của người dân
ngôi nhà tranh. Mặt khác tác phẩm hấp dẫn người
đọc bởi một lối viết đơn giản, một lối hành văn đơn

lại. Ta sắp bạn lẫn nây. Thôi, vĩnh biệt, nầy lòng ta

rao le; lúc đang về tới, đang còn nhìn theo mà
mãi.

phở là một món ăn dân gian nổi tiếng ở Việt Nam. Tuy nhiên, không phải ai cũng biết cách nấu phở đúng cách. Dưới đây là một số bí quyết để nấu phở ngon:

hồng như thêu dưới vòm trời âm đạm; đem chàng
mang lại chút mát nào. Sơ hãi, lo âu, chờ đợi

tê-liệt hàn. Nhà nào cũng yên lặng như đêm thâu.

hải quân có mười nghìn ác thủ nhà, số vào cùn,

Máy nư­ớc gh­ẻ th­ăm dò, chỉ có một m­ình g­à ph­u

Chỉ vì một lẽ: mọi sự đã thay đổi cả. Chính thời

~~lên thân chết mới lại. Anh tròn ngày đi~~

hàng lữ người sống đi đũa mà bây giờ hóa ra một người sống xe hàng ba, bốn ao quan nội lục. Pippo mặt đỏ thía hồ mà làm. Khả h lệ phải đã đặt đất trong nghĩa địa; chỉ còn chỗ cho có mười làm cái mà nữa thôi. (hàng lại làm việc. Trước chỉ nghe tiếng thuồng đảo trong bóng đêm. Sau nghe rõ tiếng người ch... trong thành. G... còn ai giữ gìn nữa; chẳng còn ai... đêm... chết làm gì. Bệnh mới nhóm hay chỉ mới lo mắc dịch là họ đã la hét, thét mãi cho đến lúc tắt hơi. Mẹ... con. Tưởng như là một đêm đầy... mà chẳng còn ai nhận được bóng ai. Thành thoắt một... bất vọng đâm mình trong đám đục như... hồ thấy bọn gái giang hồ lão đảo vì say là họ dữ... vách ném qua cửa sổ, sợ chúng đã phá... bệnh rồi.

Gita mặt này người rồi lại ngã quỵ xuống: nòng mướn kéo khách lạ ra đi. Nhưng, trở phụ phiên địa, chàng đứng thẳng yên lặng. Ra hiệu, chàng bảo Gita lánh vào trong nhà. Nàng tuân theo, ngồi nấp sau cửa, mạch máu đập mạnh trên ngực. Trên tay, k... áp cả người nàng.

Một hòn đá, lại hòn nữa, văng mạnh vào hàng rào Gita ghen ghen. Mở cửa nàng chạy ra... chạy ra đến hòn đá thứ ba đến tạch thái dương. Nàng gục xuống, khách lạ đỡ lên, vực vào trong gian nhà tối. Dân chúng lại gần; hàng rào quá thấp không đủ sức cản đã họ lại; miệng họ hò hét vang gọi. G... lúc đó, một sự hãi hùng không ngờ xảy ra. Théophile, anh viết mướn đầu bó tui, nhẩy... vào lão thợ rèn phố Vicolo Santa Trinita đứng cạnh. Hân lao đao, trợn ngược mắt. Cũn một lúc, ở hàng cửa, một thằng bé cũng siêu vẹo; đứng sau nó, mẹ dẫn nó có chữa thết lên một tiếng kinh khủng, liếng thoét vì ai cũng hiểu nên đám người tản nát, hoảng sợ.

Trong gian nhà, Gita nằm thẳng trên giường, tỉnh lại. Nàng lắng tai nghe. Khách lạ cúi xuống mà rằng:

— Đi cả rồi!

Nàng không nhin... nữa, lấy tay nhẹ nhàng sờ trên mặt để nh... lấy một lần nữa net mặt chàng. Nàng có cảm giác đã hằng sống bao nhiêu năm giống chung chạ với người khách lạ. Nàng nói:

— Có phải thời gian, chẳng... ta đó ý không anh?

— Phải, Gita ạ, cần chỉ thời gian.

Chàng biết nàng muốn nói gì, và Nàng tắt nghỉ

Khách lạ đào huyệt cho nàng ở đầu lối đi chính, trong đá sỏi trắng tinh. Mặt giăng mọc, khách như đào trong khối bạc. Chàng để nàng nằm trên hoa rồi lại lấy hoa phủ sác. Chàng lẩm bầm: « Em yêu quý », ngừng tay lảng lảng trong giây lát. Rồi chàng lại cầm cúi làm như sợ sự nghỉ ngơi, sợ những ý nghĩ của mình. Suốt một hôm giời, bảy chiếc quạ tải quân đội đó. Hôm qua theo cừu chẳng có ai tuy chiếc áo quan gỗ sên lớn kia là quan tài quan tư-pháp đấy.

Chỉ vì một lễ: mọi sự đã thay đổi cả. Chử tước cũng chẳng kẻ vào đầu. Đáng lẽ một người chết thì

NGU'O'I PHU

DANH-VĂN NGOẠI-QUỐC

MỘT THẦN-TU'ONG⁽¹⁾ VỀ CHÍNH-TRỊ (UN MYTHE POLITIQUE)

BỔ ĐỨC DỤC

LỜI NGƯỜI DỊCH. — Văn minh cận đại bày ra cho nhà quan sát một mâu thuẫn lạ lùng. Biết bao nhiêu máy móc cực kỳ phức tạp sáng chế ra để thỏa mãn nhu cầu cần không kém phiên phức của quần chúng; hết thấy mọi người đều dùng đến những máy kia, thế mà, trừ vài nhà chuyên môn ra, không mấy ai biết cách động tác của máy ra sao. Mỗi ngày hàng nghìn hàng vạn người bước chân lên xe điện, nói bằng điện thoại, hoặc nghe những bản đàn khoa, trả trước máy truyền thanh. Thế mà mấy ai để ý đến những định lệ về điện học người ta đã đem thực hành vào những máy kia. B... như đời chúng ta là để làm những việc giản dị bằng những máy móc cầu kỳ mà chúng ta không hiểu chỉ h...

Cái « không biết » ngược đời ấy càng rõ rệt nếu ta để ý đến đời sống xã hội.

Cuộc sống đó cấu tạo do một lư... những chế độ... luật pháp, tài chính, chính trị, v. v... Hàng ngàn những nhà chuyên môn khảo sát, tu tạo, hay vận dụng những guồng máy kia, — kẻ phạm nhân chỉ việc liếc mắt nhìn một bộ sách luật, một biểu giá ngạch về hồ... loài, một tờ giấy kê khai thuế má, cũng đủ giải thích trước sự phức tạp hải hùng.

Nhưng công chúng không thấy cần phải đi sâu vào những bí thuật kỹ: họ chỉ cần biết vài điều chỉ dẫn về cách dùng những máy móc mà không cần để ý đến cách vận dụng của máy.

Vả... chẳng đủ cho họ có muốn biết nữa, họ cần... không kể những thiên bẩm đặc biệt về thông minh và một... học lực chắc chắn sẵn có — một sự cố gắng... vì không đủ thì giờ hay phương tiện họ không thể đạt được. Vậy cho nên người thời đại này không thể có... ý niệm sác thực; khoa học về xã hội trong đó họ sống.

Tuy nhiên, sác thực hay không, họ cũng cần phải có một ý niệm. Là vì nhẽ tồn tại của xã hội cần đến sự giới hạn tự do của cá nhân hoặc sự trích thu vào của... họ làm ra. Như thế người công dân làm sao mà ưng thuận những hy sinh... nếu họ không có được một... dung khái lược về xã hội, về những sự vụ do đó mới lợi... của họ liên lạc với lợi... chung của toàn thể?

Cái hình dung kia, vì họ không tìm được ở một... học nghiên cứu khoa học, họ tưởng tượng ra vậy.

Theo cái khuynh hướng « tự kỷ trung tâm » (égocentrisme), mà chúng ta ai cũng sẵn có, họ tự tạo lấy hình dung đó bằng cách phóng đại những kiến thức về đời... hàng ngày, thần mặt của họ ra, theo bề thế của đoàn thể xã hội. Thí dụ, là một điều chủ ở thôn quê, họ sẽ... niệm Quốc gia theo cái mẫu tài sản, vườn ruộng của họ phóng đại ra: Quốc gia đối với họ chỉ là một... đất có những giới hạn bất khả xâm phạm, một di sản của ông cha để lại cho họ, những người cùng một... máu, và rồi họ sẽ truyền lại cho con cháu, cho nên nếu biên giới bị xâm lược, họ phải lấy khí giới để mà bảo vệ của chung.

Điều đó chắc chắn chỉ là một tượng hình sơ lược không có chút gì là tinh cách khoa học, tạo nên bằng cách phóng chiếu những kiến thức thông thường của người hàng phố và rất có thể sai sự thực. Đó chỉ là một giả định (fiction), một « thần tượng »

Thực ra nếu thực thể của xã hội và cái ý niệm công thức (idée conventionnelle) của công chúng về xã hội đều là bất di bất dịch thì sự tượng hình thần bí đó chỉ có lợi. Khổ nỗi ai cũng biết rằng những chế độ chính trị, xã hội và kinh tế tiến hóa luôn luôn do những sự cải cách về kỹ thuật hoặc do biết bao nhiêu biến cố mà lịch sử từng ghi chép. Trái lại cái tượng hình của quần chúng chính vì họ không do sự quan sát khoa học tạo nên mà thay đổi một cách chậm chạp hơn nhiều.

(1) Tượng hình thần bí.

(Xem tiếp trang sau)

hàng lữ người sống đi đũa mà bây giờ hóa ra một người sống xe hàng ba, bốn ao quan nội lục. Pippo mặt đỏ thía hồ mà làm. Khả h lệ phải đã đặt đất trong nghĩa địa; chỉ còn chỗ cho có mười làm cái mà nữa thôi. (hàng lại làm việc. Trước chỉ nghe tiếng thuồng đảo trong bóng đêm. Sau nghe rõ tiếng người ch... trong thành. G... còn ai giữ gìn nữa; chẳng còn ai... đêm... chết làm gì. Bệnh mới nhóm hay chỉ mới lo mắc dịch là họ đã la hét, thét mãi cho đến lúc tắt hơi. Mẹ... con. Tưởng như là một đêm đầy... mà chẳng còn ai nhận được bóng ai. Thành thoắt một... bất vọng đâm mình trong đám đục như... hồ thấy bọn gái giang hồ lão đảo vì say là họ dữ... vách ném qua cửa sổ, sợ chúng đã phá... bệnh rồi.

Nhưng khách lạ vẫn đảo, định ninh rằng nếu chàng còn dám chủ được chốn này, rồi giữa bốn bức rào, chàng còn kiên huyệt, chàng còn dùng được hoa với luống... để tìm một ý nghĩa cho cái tai họa vô lý này, điều hòa... với đất nước chung quanh thì tất... kia không thắng nổi và biết đâu một ngày kia, bản chẳng khuất phục... Hai chiếc huyết vừa xong thì có tiếng cười, tiếng nói, tiếng xe rầm rập lại gần. Xe chất đầy sác ng... Pippo mặt đỏ đã tìm được người giúp bản. Chung... h... rút liều trong đồng sác, kéo ph... ra một gã như muốn dơ tay chống cự rồi ném qua rào vào nghĩa địa Rồi lại đến cái sác khác. Khách lạ đào không ngừng Sác một thiếu nữ trẻ trung, máu me đầy mình, tóc rũ rượi, lăn vào ch... chàng. Gã phu đào huyết cầu nhau trong đêm tối rồi lại cúi xuống đào Nhưng những kẻ say còn b... nghe ai. Lúc nào cũng chỉ thấy gã Pippo mặt đỏ, chuan tẹt; hân ra sức ném qua hàng rào cái sác chết, chất thành đống dưới chân người phu đào huyết đi tìm tình. Toàn một giống sác. Thuồng càng ngày càng ci... như có tay bao nhiêu người chết niu lấy giữ lại. Khách lạ moi lăm... Chàng ngừng tay trên chân mồ hôi lã ch... ro... lòng, ban khoan do dự. Chàng lại sát hàng rào, vừa nhìn thấy cái đầu tròn và đỏ của Pippo liền lao cái thuồng thật mạnh, cảm thấy mình lao trúng... rồi kéo thuồng giờ về. Thuồng đen mà ướt. Ném vòng... thiet thuồng... đi rồi xa, chàng cúi gằm mặt xuống. Rồi lững thững ra khỏi vườn chàng đi lẩn vào đêm tối: thất bại hoàn toàn.

Chàng đến chốn này sớm quá, sớm sớm quá.

NGUYỄN QUÝ BÌNH và L. V. dịch

ĐÀO HUYỆT

MỘT THẦN TƯỢNG VỀ CHÍNH TRỊ

(Tiếp theo trang trước)

Như thế hai tư tưởng hợp tác nhiên xảy ra. Nếu thần tượng kia đại để cho một hình ảnh gần giống sự thực, sẽ không có gì làm rối loạn ý thức cá nhân; họ thoát nhận ngay được sự quan hệ giằng buộc mỗi lợi riêng của họ với lợi chung của đoàn thể, và họ sẽ thuận tòng kỷ luật xã hội một cách dễ dàng. Nhưng nếu, trái lại, có sự cách biệt thái quá giữa thực tế và tượng hình thần bí của họ, thế là ô cá nhân sinh ra nỗi lo ngại, ngờ vực, thất sủng đối với chế độ, chính thể; hoặc giả, ngược lại, họ cố cưỡng ép cái thực tế lưu động, gò theo quy mô của giả định, của thần tượng mà họ muốn nó bất dịch, và như thế sẽ sinh ra sự hỗn loạn, nhiễu loạn động và tàn hoại.

Nói tóm lại, thần tượng, một yếu tố về ý thức thuộc tâm ý quần chúng, giữ một chức vụ tối quan trọng trong cuộc sống của xã hội, của Quốc gia. Do đó mới có sự phục tòng của dân gian đối với chính thể. Nhà cầm quyền hằng phải lưu ý tới để củng cố địa vị của mình. Dù gì cũng không bao giờ dám lấy chính quyền rồi cũng phải ngã theo, thừa nhận thần tượng, có như vậy quyền lực của họ mới được công nhận là chính thức. Trái lại nhà chính trị trước khi cải cách mọi chế độ, mọi chính thể cho hợp với thực tế lưu động cần phải gây cho quần chúng một ý niệm mới của thần tượng mới và tương xứng do đó khởi sinh ra những sự phản kháng, những cuộc biến loạn mà hậu quả cũng sẽ là yếm ếm ở

TRONG đoạn văn dưới đây, tác giả, ông Francis Delàisi, cho ta một hình ảnh đầu, phần tử nào hèn nhất cũng khoát tay nói bực dọc bị rơi, cam tháy kết quả của những huấn lệnh đã cưỡng chế nó, và rồi phản động lại tùy từng cách.

« Riêng chỉ có thần tượng là tạo được quyền lực: nghĩa là sự tự ý thần mệnh. Lòng thần tòng đó không dựa lên cái ý niệm rằng mọi lợi chung là tổng số hay số trung bình những lợi riêng, và quan niệm này chỉ thuộc về tri tuệ không thể khởi hứng được lòng hy sinh ở cá nhân. Vì thần tượng mà người du thất học hay học kỹ hơn hết cũng cam tháy thần mình giằng buộc với đoàn thể do một sự giác tín ngưỡng, một mối trách nhiệm riêng và thiêng cho mình bỏ cứu bằng một sự thương xót quyết liệt. Thành ra tinh thần đoàn kết thần căn lại ở lòng vị kỷ của cá nhân.

Đó là cái chức vụ trọng yếu của thần tượng. Nhưng xã hội loài người không phải là những bộ máy, mà là những cơ thể sinh hoạt gồm có hàng ức triệu tế bào, mỗi phần tử có một đời sống độc lập, tuy nhiên có liên lạc với sự sống của những phần tử khác.

Trong những tế bào kia, sự tiến hóa khác nhau, chỉ vài phần là tới được trình độ ý thức phân minh, còn đa số ở trong tình

Nó là chiếc đòn chử hay (levier de commandement), nhờ đó nhà cầm quyền đề nghị lên những vị kỷ cá nhân buộc phải đưa theo sự hoạt động của toàn chúng ».

F. ANCIS DELAISI

(Les contradictions du monde moderne)

ĐỖ ĐỨC DỤC dịch

XÃ HỘI VIỆT-NAM TU THẾ-KỶ THỨ XVII

BÀI THỨ MƯỜI CHÍN

— Jean Baptiste Tavernier — CHƯƠNG THỨ VII

Về sự hôn lễ của người Đàng ngoài và cách họ trừng trị sự gian dâm. — Người Đàng ngoài muốn lấy vợ lấy chồng phải được phép của cha mẹ hoặc khi cha mẹ đã quá cố rồi — của thân quyến. Lại còn phải xin phép và lễ lạt các quan chức. Vì có những sự nhùng nhậm, năm 1639 đức Vua đã phải ban dụ để hạn chế lòng tham của các nhà cai trị và định rằng con trai lấy vợ nộp lệ tùy theo sức mình, vào khoảng hai phần tư (2,40/.) gia sản; nhưng ai không có quá số một trăm đồng thì được miễn.

Vì dân gian ai cũng chăm chỉ làm ăn, nên nơi về nhà chồng, người đàn bà đã dành dụm được ít tiền, hai ba cái áo đẹp, một chiếc vòng san hô hay mã não, ít nhiều hạt họ buộc vào nuôi tóc rất giải và dễ sở, xuống sau lưng. Cuối xin phải có ăn uống, nghèo kiệt cũng ba ngày; khá giả thì kéo đến ngày thứ chín. Ngày sau hôm cưới, chồng gọi vợ bằng em và vợ gọi chồng bằng anh.

Luật pháp cũng cho chồng bỏ vợ vì những duyên cớ mong manh; nhưng vợ thì không được quyền ấy, muốn biệt cư biệt sản vợ phải khước từ mặt chồng. Nếu người chồng chỉ việc lấy một chiếc dũa của mình, một chiếc dũa của vợ, — dũa son, son thép vàng — bề làm đôi, mỗi người giữ một nửa trong túi lụa; chồng phải giữ vợ của hồi môn và nuôi lấy con chung của hai người; nhưng những vụ ly dị bây giờ ít hơn trước.

Luật pháp rất nghiêm đối với những dâm phụ, người đàn bà sẽ đem cho voi dẫy. Voi lấy voi quân người ấy lên cao rồi quất xuống đất, lấy chân dẫm cho kỹ chết. Khi em tôi ở Đàng ngoài, nó có được chứng kiến một vụ hành

NGUYỄN TRONG PHẦN DỊCH

hình một bà chúa thông gian với một ông hoàng, chuyện khá đặc biệt và bị dặt nên tôi thuật ra đây. Ở Đàng ngoài, mỗi khi một ông vua, thăng hà, thì các bà phi bị đem giam vào một thâm cung, mỗi người có hai cung nữ hầu hạ. Song cô độc cho mãi đến khi chết. Trong số đó có một bà phi quen biết một ông hoàng, cháu đức vua đã thăng hà, ông này dùng một mưu khó khảm phá dẽ vào tư thông với bà phi. Ta nên biết ở đây cũng như ở các xứ khác bên Đàng ngoài, trong các cung cấm, bếp thường thường cách lầu, các một lầu yển và đến bữa ngự, hiện hơn nhà bếp phải dùng một thứ thùng riêng dẽ chõ thức ăn từ bếp lên.

Thùng làm như sau này: các dĩa đồ ăn dặt lên một cái dĩa làm bằng nhiều chiếc que chạy suốt chiều ngang thùng và chẻo nọ cách chiếc kia chừng một đốt; phía ngay dưới có một tấm sắt khoét thủng như u lỗ. Tấm sắt này dặt trên một tấm sắt nữa, cách nhau chừng nửa tấc. Tấm sắt sau này vừa làm dày thùng vừa làm bếp đượ than hồng để giữ thức ăn cho nóng. Ông hoàng kia mưu nỏ dẽ người ta dẫu ông vào chiếc thang khiêng vào cung bà phi. Mười gian ít hôm bị hại lợi. Đức Ông bị dấn ra trước mặt Tam Vương, đeo siềng xích ở cổ, ở tay và ngang mình rồi bị giải đi đến chấp kinh thành trong năm tháng giới, đem về giam cầm trong một gian ngục bấy năm, mãi đến khi vua này băng hà, con vua lên thay đức ông mới được tha và cải ra làm lính ngoài biên giới. Bà Phi bị dẫy vào một tòa lầu cao, suốt 12 ngày không được ăn uống, xong rồi họ mở rộng các cửa ra để ánh nắng mặt trời làm bà ta đi và chết một cách thảm khốc sau ngày thứ ba.

Hai tên cung nữ bị đem ra công trường trước cũng thành dẽ voi dẫy.

Hai tên nhà bếp bị buộc tứ chi vào bốn chiếc thuyền chiến nhỏ và phân thảy.

CHƯƠNG THỨ XI

Họp hành, (thị cử. — Sau khi đã nói về sinh đồ, hương cống, ông J. B. Tavernier nói đến hội thi). Kỳ này mở ngay trong cung thành là một tòa lầu đài bằng đá vân (?) lộng lẫy. Đức vua, các hoàng thân, các đại thần, các văn quan cổ ông từ lĩnh xa về và đủ mặt các tấn sĩ.

Sĩ tử có chừng ba nghìn (?). Trong trường thi dựng chín chòi cao, chiếc thứ nhất đề riêng cho đức Vua và các thân vương; Chín chiếc chòi đặt thành dãy dài có bậc; đức Vua chỉ ngự ra hôm đầu, còn sáu hôm cuối thi không. Hôm thứ tám, danh sách những người ứng thi, hồng hay do, đều giao cho mười sáu đại thần và chính đức vua định đoạt cho những người sát khảo ít bị hồng nhất; dốt quá thì bị giáng trật và không ai hỏi đến nữa. Bảng treo ở trước cửa thành; và các ông tân khoa cũng như ông hồng đều phải lên đài trình diện. Các ông Tấn sĩ được vua ban một cái áo sa tanh màu tím và được bước về làng, có đàn sáo, có trống, nghỉ ngơi ba tháng ở quê nhà rồi vào triều tập nghề làm quan. Các quan sứ cử ra ngoại quốc, nhất là sang Trung Hoa, đều chọn trong số các ông tiến sĩ lỗi lạc nhất; đi sứ vua ban cho đủ mọi thứ tiêu dùng.

CHƯƠNG THỨ XII

« Triều đình — Tuy đức Vua không có ủy quyền và tất cả thổ lực đều vào tay chúa Trịnh, ngài vẫn được thần dân tôn trọng và Triều đình vẫn duy trì sự rỗi rãi nghỉ. Ngày rằm và mồng một, các đình thần bện triều phục vào lễ vua. Chúa Trịnh trước kia cũng phải vào dự lễ bái vua, nhưng dần dần ngài đã biết cách xin miễn và cử một quan vương đi thay.

Đối với chúa Trịnh, các quan đầu lĩnh, các quan coi xiệc án tử, các võ tướng phải vào chùa ngày nguyên đán, ngày sinh nhật của chúa hoặc khi mình mới tháng trận: thành ra quyền chúa lớn hơn quyền vua.

Một người đàn ông xứ dăng ngoài chào ai cạo quỳ hơn phải lễ bốn lễ, đàn bà chỉ phải quỳ lễ một lần thôi. Vào châu vua, quan phải bện phẩm phục màu tím, quần đi hầu cũng phải mặc áo đồng màu.

Mọi năm vào dịp lễ Trưng nguyên, vua ban thưởng cho các đình thần và con cháu các vị công thần vàng bạc; phóng xá cho tội nhân chịu án hình nếu không phải tội trảm hay án họ nếu mắc nợ không trả hai nén bạc.

Bao giờ cũng vậy, cứ đến ba ngày cuối năm bốn mươi quan đại thần đi bắt các quan cao thấp văn lẫn võ tuyên thệ lúc nào cũng trung thành với đức Vua và nếu biết có cuộc âm mưu hại đến long thể, đến cuộc tri nguy của quốc gia thì phải đi tố cáo: Nếu kẻ đi báo đã làm quan thì đức Vua có ban thưởng hay không là tùy ý, nếu là dân dã thì được thưởng năm mươi lạng vàng và năm trăm lạng bạc. Tổng cộng năm vạn ba nghìn đồng tiền ta, người cáo giác còn được phẩm hàm nữa.

Thỉnh thoảng lại có tục kiểm điểm lại số thạhệpien từng tỉnh và khắp trong xứ, những kẻ nào không nghề và không có chút danh vị, đủ mười tám tuổi thì phải tuyên vào đạo lính phòng vệ vua, hoặc lên tòng chinh ngoài biên ải. Ai dứt tiền đề lần chón sẽ bị phạt nặng, kẻ tòng đảng cũng thế: cõ đem cùm, chân tay xiềng xích, họ bị giải đến trước mặt chúa và sẽ bị tuyền ân chết chém. Nhưng vì dân sự không muốn thấy máu chảy nên bà con người bị tội vận động cho thân nhân mình xử giáo thôi vì họ sợ rằng chết thật cõ không nhọc nhả bằng chết chém.

(còn nữa)

NGUYỄN-TRỌNG PHẢN



ĐỜI NAY

ĐÃ CÓ BẢN,

HƯƠNG XA

Tập đoàn thiên có giá trị của 14 văn hào khắp các nước Đông, Tây.

do các văn sĩ quen biết trong Đời Nay dịch

LOẠI GIÓ BỐN PHƯƠNG

Giá: 2\$50

ĐƯƠNG IN:

AI NA KARÉNINE (loại gió bốn phương)
của L. TOLSTOI

ĐƯA CON

Tiêu thuyết của ĐỖ ĐỨC THU

MÂY

Thơ của VU HOÀNG CHƯƠNG

SẮP IN:

THANH ĐỨC (tức Tội lỗi)

Tiêu thuyết của KHAI HÙNG

CUỘC TIẾN-HÓA CỦA NỀN TƯ'-BẢN⁽¹⁾

NHỮNG BIẾN-TRẠNG CỦA CHẾ- ĐỘ TƯ' BẢN TỪ' CUỐI THẾ-KỶ XIX

VŨ VĂN HIỀN

Để chỉ rõ đặc tính của nền tư-bản trong thế kỷ 19, người ta đã gọi thời kỳ-nghệ ấy là thời kỳ của tư bản *tự do và cạnh tranh*.

Bấy giờ sự tự do và cạnh tranh không những được nêu làm những nguyên-tắc hướng-dẫn cho mọi công việc tổ-chức và được luật pháp che chở mà còn xuất hiện rõ ràng trong thực tế.

Các công-sưởng đều là những công-sưởng cô lập và tự lập, chỉ theo giá trên thị-trường mà tăng hay hạ số hàng sản-xuất; mà giá hàng thì chỉ theo luật cung-cầu mà lên hay xuống, không có một luật-pháp hay quy lệ nào định trước. Cả giá các nguyên liệu, nhân công và giá thuê vốn cần dùng trong việc sản-xuất cũng do sự cạnh tranh định đoạt cả: giá nguyên liệu cao hay hạ tùy theo người mua so với số người bán nhiều hay ít, nhân công trong một nghề tăng hay giảm tùy theo số thợ trong nghề đó ít hay nhiều, và khi số tiền cho vay nhiều mà người cần tiền ít thì lãi hạ.

Nguyên liệu, nhân công, tiền vốn là những nguyên-tố bấy giờ chuyển-dịch một cách dễ-dàng. Nhà kỹ-nghệ tùy ý được chọn lọc, hòa-hợp các thứ đó để sản-xuất làm sao cho rẻ, nhanh và nhiều để cạnh tranh với các người cùng nghệ.

Trong cuộc cạnh tranh ấy công-sưởng nào vụng tổ-chức, kém mảnh khảnh, không biết cải-cách sẽ bị đào thải dễ nhường chỗ cho các công-sưởng khác.

Đại cương hình ảnh nền kinh-tế tư-bản trong thế kỷ 19 là thế.

Hình ảnh ấy vì dân-dị đã được nhiều người nói đến, và có tính-cách hợp lý nên khi nói

đến xã hội tư bản thì người ta nghĩ ngay đến nó mà quên rằng từ cuối thế kỷ 19 tới nay nền tư-bản Âu-châu đã qua những cuộc biến đổi lớn lao và hiện nay chế-độ tư-bản đã qua giai đoạn tự do và cạnh tranh mà tiến đến giai đoạn *độc-quyền* (capitalism monopolistique).

Đến hồi này, sự cạnh tranh và tự-do vẫn còn được giữ trong pháp-luật, nhưng trong thực-tế thì đã mất dần.

Nhiều ngành công nghệ đã thành « cấm-địa » riêng của một vài hội to, các nhà ngân-hàng và giai-cấp tài chính chiếm đoạt gần hết các cơ-quan trọng-yếu trong nền kinh-tế; đối chọi với sự tổ-chức của tư-bản, giai-cấp cần lao cũng tổ chức thành những đoàn-thể vững vàng đòi chia sẻ số lợi tức của công việc sản-xuất. Vì có sự tiến dần về độc quyền và sự đụng chạm gắt gao giữa hai giai cấp vô-sản và hữu-sản, các quốc gia và chính phủ đều phải can-thiệp vào công việc kinh-tế, không thể đứng địa-vị khách quan của một người cảnh-sát giữ trật-tự bên cạnh kịch trường như trước nữa.

Ta hãy lần lượt xét qua những trạng-thái mới xảy ra đó.

Sự tích-hợp công-suởng và liên-hiệp các cơ- quan kinh-tế

Xã-hội tư-bản đã đập đổ những lệ-luật kiểm-chế của chế độ phong kiến để các cơ quan sản-xuất được tự do tiến hóa và tự do cạnh tranh.

Cái kết quả đầu tiên của sự cạnh tranh là làm cho những công-sưởng yếu hơn bị tiêu diệt những nhà tiểu công nghệ bị phá sản, và thành những người làm công trong các nhà máy tổ-chức theo lối tư-bản. Trong các nhà máy ấy, sự cạnh tranh lại đào thải dần,

Xem Thanh-nghị số 25, 27, 28, 33, 36, 37, 41

CUỘC TIỀN-HÓA CỦA NỀN TƯ BẢN ÂU-TÂY

những nhà bé, tổ-chức vụng hay ít vốn, khiến cho sau cùng chỉ còn một số ít công-sưởng đồ sộ đã thắng trong cuộc cạnh tranh và đã thu hợp được những công-sưởng bị thất bại.

Vậy sự cạnh-tranh dẫn thẳng đến sự *tập trung các công-sưởng* (concentration des entreprises).

Chỉ so những con số gần đây thôi, người ta cũng thấy số công-sưởng nhỏ ngày một ít dần trong khi nhân công và tư bản càng ngày càng tụ vào một ít công-sưởng to.

Thí-dụ như ở Pháp từ năm 1901 đến năm 1921, số công-sưởng dùng từ 1 đến 5 người thợ kém đi 22%. Trong khi số công-sưởng dùng quá 500 thợ tăng lên 37%.

Tuy nhiên phong trào tập trung công-sưởng không có gì là mới lạ, vì nó bắt đầu từ đầu thế-kỷ 19, ngay từ lúc nền tư bản vừa xuất-hiện.

Sự tập-trung ấy cũng dễ hiểu lắm: muốn chiếm phần ưu thắng trong cuộc cạnh tranh, một công-sưởng cần phải to cần phải có nhiều vốn: có nhiều vốn thì mới tìm được chỗ mua rẻ, mới hợp được nhiều thợ để phân chia công việc, mới mua được máy tối tân, mới tích-trữ được nguyên liệu để làm luôn không nghỉ, mới sản-xuất được nhiều để bán hạ giá.

Nhưng từ cuối thế-kỷ 19 trở đi, sau khi đã đào thải được những công-sưởng nhỏ rồi, số ít công-sưởng to còn lại liền tìm cách giữ vững địa-vị của mình bằng cách tích hợp (intégration) và cách lập các cơ-quan liên-hiệp (ententes).

Một công-sưởng đã thắng được những công-sưởng cùng làm một nghề với mình rồi vẫn chưa chắc đã được tự-do hoành hành trên thị trường: nguyên-liệu nay mua được theo một giá phải chăng, sản phẩm nay bán được giá cao nhưng liệu rồi có mua được, bán được và giữ mãi những giá ấy được chăng? Các nhà sản-xuất nguyên-liệu có thể không bán nữa hay bắt buộc phải giảm một giá cao; các cơ-quan vận-tải có thể từ chối không nhận hàng để gián tiếp giúp cho một hãng khác, các nhà buôn có thể liên-hiệp với nhau để bắt phải bán sản phẩm theo một giá họ định lấy v. v.

Bao nhiêu điều đó đều là những điều bất-chắc khiến cho nhà kỹ-nghệ phải quan-lâm, phải quan tâm nhất là vì trong lối tổ-chức hiện-thời, mở một kỹ-nghệ là phải đặt một số vốn rất to cần phải giả-lãi mà một khi nhà máy đã tiến-hành thì công việc phải kế tiếp luôn theo cường-lượng nhất định.

Để tránh những điều bất-chắc ấy hơn 60 năm nay, các công-sưởng to dần dần sát-nhập cả các cơ-quan có liên-lạc xa hay gần, vào công cuộc sản-xuất của mình.

Người ta gọi đó là sự « tích-hợp » các công-sưởng (intégration des entreprises) hay là sự tập trung theo chiều cao (concentration verticale), để phân biệt với sự tập trung các công-sưởng cùng làm một nghề mà người ta cũng còn gọi là tập trung theo chiều ngang (concentration horizontale).

Thí-dụ sở đúc gang (haut fourneau) thì ở trắng dưới kèm thêm cả những mỏ than, mỏ sắt, ở trắng trên thì kèm thêm cả nhà máy chế gang thành thép, nhà máy đúc các đồ bằng thép, làm tàu thủy làm đầu xe hỏa v. v.

Tại Pháp nhà máy chế gương ở Saint-Gobain vừa làm gương vừa làm các chất hóa học họ vẫn dùng, lại khai khẩn rừng (để lấy củi) khai khẩn mỏ để lấy nguyên liệu dùng vào việc chế tạo). Ở Mỹ, hãng làm thịt ướp ở Chicago thuộc lấy da, và có xưởng may dùng các sản-phẩm phụ để chế các áo sa-vông, phân bón, chuỗi dao và quả tròn đánh billard!

Tại Đức sau, hồi chiến-tranh từ 1920 đến 1923, một phần cũng vì tiền mất giá nên người có tiền gặp gì cũng mua, người ta đã thấy những công-sưởng khổng lồ xuất hiện gọi là *Konzern*.

Konzern có tiếng nhất gọi là Konzern Hugo Stinnes ở hai ngành.

Ngành về kỹ-nghệ kim khí có nhiều mỏ than, nhiều mỏ sắt, 36 hauts fourneaux 18 sở chế thép nhiều sở đúc kim khí, đóng tàu-thủy làm ô-tô, gồm lại gần 300 xưởng máy; ngoài ra lại còn có nhiều xưởng làm đồ điện ở Đức và ngoại-quốc, nhiều nhà máy nước, máy điện, nhiều sở xe điện và công ty vận-tải hàng hải.

Còn một ngành nữa về *giấy*, có nhiều rừng ở Đức, ở Norvège và Suède, nhiều nhà máy

CUỘC TIỀN-HÓA CỦA NỀN TƯ BẢN ÂU-TÂY

làm bột giấy, nhiều nhà in, nhiều nhà xuất bản và 60 tờ báo xuất bản khắp mọi nơi ở Đức.

Konzern Stinnes về sau bị tan, là một thí-dụ rõ ràng nhất về sự tích-hợp các công sở.

Ở các nước khác sự tích-hợp không đi xa tới độ ấy, nhưng đã thành một trạng-thái thông thường. Trong nhiều kỹ nghệ, như kỹ nghệ kim-khí và kỹ nghệ hóa-học sự tập trung theo chiều cao đã thành một sự cần, vì nếu không hợp nhiều công sở khác nhau để lợi-dụng triệt-đề tất cả các sản-phẩm phụ thì một nhà kỹ nghệ khó lòng cạnh tranh đối với các nhà khác và khó lòng thu đủ lãi để giả số vốn đặt vào việc sản-xuất.

Về nội-dung, đã dùng cách tích-hợp để tránh một sự lắt-chắc về sự mua bán, các công sở tiến đến bậc này có thể cạnh tranh với nhau một cách kịch-liệt. Cuộc cạnh tranh ấy sẽ không phải là ở giữa hai nhà máy, giữa hai cá nhân nữa, mà sẽ thành ra cuộc chiến đấu giữa những lực-lượng khổng-lồ kiểm-soát từng khu-vực trong nền kinh-tế.

Nhưng thật ra thì đến đây, họ không cạnh tranh với nhau nữa.

Những công sở còn lại, nơi nào cũng có khí-cụ hoàn-hảo, có tổ chức vững-vàng, sức đã tương-đương với nhau họ hiểu ngay rằng cạnh tranh nữa thì hại hơn là lợi. Vì thế nên họ tìm cách liên kết với nhau.

« Sự cạnh tranh giết sự cạnh tranh » (la concurrence tue la concurrence), câu của nhà kinh-tế-học Proudhon nói từ giữa thế-kỷ 19 thật tả đúng trạng-thái xã-hội tư-bản về hồi này.

Sự liên-kết các công sở cũng phát hiện từ cuối thế-kỷ 19 và tùy từng xứ sự liên-kết ấy theo một hình-thức và tiến-bộ nhanh-nhậm khác nhau.

Trước hết nhiều nhà sản-xuất có thể ký-kết với nhau lập chung một sở bán để trực-tiếp với người mua sản-phẩm hoặc một « sở mua » để trực tiếp với người bán nguyên-liệu. Các sở đó sẽ tập trung những khách hàng và nguyên-liệu rồi phân-phát cho các hội-viên, theo một tỉ-lệ định sẵn.

Ở Pháp các nhà kỹ nghệ kim-khí đã dùng cách này để lập sở bán chung, « comptoir de

Longwy » từ cuối thế-kỷ 19. Trong hồi đại chiến cũng ở Pháp, lối tổ-chức ấy lại dùng để lập những hội gọi là *consortiums* do Chính-phủ khuyến-khích để phân-phát các nguyên-liệu mua được ở ngoài. Sau cuộc đại-chiến các *consortiums* dần dần giải tán nhưng các cơ quan liên-kết khác lại phát hiện trong kỹ nghệ làm mỏ, kỹ nghệ kim-khí, kỹ nghệ làm thuốc ruợng và làm đạm khí.

Bước thêm một bậc nữa, các nhà sản-xuất có thể vấn đề cho mỗi công-sở được quyền tư lập, nhưng hợp nhau lập thành một *cartel*. Cartel có quyền định một giá tối-thiểu cho sản-phẩm để tránh sự phé giá, hạn-chế sự sản-xuất của mọi công sở định cho mỗi công sở chỉ được bán ở một miền nhất định, hoặc là chỉ để cho hội viên được tự-do về mặt chuyên-môn còn việc mua bán thì phải giao cả cho một cơ-quan chung.

Lối liên-kết này rất thịnh hành ở Đức, và được chính-phủ Đức khuyến-khích : từ năm 1910, chính-phủ đã bắt buộc các nhà sản-xuất *potasse* hợp thành một cartel, đặt dưới quyền kiểm-soát của quốc-gia, để giữ cho giá thư bàng ấy được vững.

Trong hồi chiến-tranh, 1914-18 để tiết kiệm nhân công và nguyên liệu và để dồn sức vào công sở nào có khí-cụ hoàn hảo và tổ-chức hợp lý nhất, chính-phủ bắt buộc kỹ nghệ hợp thành cartels.

Sau cuộc đại chiến, qua một thời kỳ khủng hoảng, từ năm 1924 trở đi vì không thể tăng được giá bán, các nhà kinh-tế Đức — đứng đầu là giáo-sư Julius Hirsch — khởi-sướng lên phong-trào « chỉnh-lý việc sản-xuất » (*rationalisation de la production*) để cải cách các công sở, khuếch-trương sự phân công, đổi mới máy móc, tránh sự phung-phí nhân công và nguyên liệu, mục-dịch là làm cho hạ giá vốn khiến cho kỹ nghệ Đức có thể đương-đầu với kỹ nghệ nước ngoài.

Phong-trào ấy khuyến-khích sự tổ chức *cartels* và các *cartels* thành lập đi tới cho quyết định đóng cửa hẳn những công sở nào không thể cải-cách để sản-xuất rẻ hơn được.

Năm 1930 số *cartels* ở Đức lên tới 3000, trong đó có những *cartels* kiểm-soát gần hết số sản.

xuất một phẩm-vật như cartel kỹ-nghệ hóa-học và cartels kỹ-nghệ kim khí.

Tại Hoa-kỳ, sự liên kết các công-sưởng ngay từ cuối thế-kỷ 19 đã có tính cách riêng : các nhà sản-xuất bỏ hết sự tự lập và tự-do cá-nhân để hợp thành một *trust* mục-dịch là chiếm lấy độc quyền trên thị-trường.

Các nhân viên trong trust bắt buộc phải theo huấn-lệnh của cơ-quan trung-ương, cơ quan ấy có quyền can-thiệp thẳng vào sự tổ-chức từng công-sưởng để định sự sản-xuất, bắt bỏ lối sản-xuất cũ để theo lối mới hoặc cấm không cho dùng khí-cụ tối-ân hoặc bắt các công-sưởng phải nghỉ việc tạm thời hay vĩnh-viễn.

Trust lâu năm nhất ở Hoa-kỳ là trust dầu hỏa Standard and Vacuum Oil Co do John Davidson Rockefeller lập ra từ 1867. Vào cuối thế-kỷ 19, trust ấy gồm gần hết các nhà lọc giàu và mỏ giàu ở Hoa-kỳ và kiểm-soát 30 triệu thùng dầu (trong số 35 triệu thùng cả thế-giới sản-xuất hàng năm). Từ đầu thế-kỷ 20 trở đi thì trust ấy bị hai trusts của người Hà-lan và người Anh cạnh tranh rất gay go, là Royal Dutch Co và Anglo-Iranian Co. Nhưng hiện nay trust Standard Oil cũng còn giữ địa-vị thứ nhất ở Bắc-mỹ, sản-xuất mỗi năm 22 triệu tấn dầu nguyên chất, nắm trong tay 180.000 km tức là 90% đường dẫn dầu (pipeline) ở Bắc-mỹ và có 196 chiếc «tàu thùng» (navires-citernes) để chở dầu.

Bên cạnh trust dầu-hỏa của Rockefeller, có trust thép, trong đó có những xưởng máy của nhà kỹ-nghệ Carnegie, kiểm-soát 50% số thép sản-xuất ở Mỹ.

Cuối thế-kỷ 19, ở Hoa-kỳ đã có tới 150 trusts.

Lúc khởi-thủy, các nhà cầm quyền Mỹ còn đặt luật cấm tất cả các trusts. Nhưng từ 1911 trở đi các tòa-án bắt đầu phân biệt những trust lập ra chủ ý để lũng-đoạt thị-trường và những trusts vẫn đề nguyên sự cạnh tranh và tòa chỉ kết tội và giải-tán những trusts trên mà thôi. Từ năm 1918 trở đi thì các trust lại được tự-do hơn : một đạo luật cho phép các nhà sản-xuất được phép hợp thành trusts để cạnh tranh trên các thị-trường ngoại-quốc.

Những trusts và cartels không những bành-trướng ở Đức, Mỹ và Pháp mà thôi ; mà còn lan rộng ra khắp mọi nước tư-bản khác như Anh, Canada, Bỉ, Mexique v. v.

Tóm tắt lại, thì cách liên-kết các công-sưởng xuất-hiện ở Hoa-kỳ và Đức sớm nhất, từ trước năm 1880, từ 1880 tới cuối thế-kỷ 19, khuynh-hướng lập trusts và cartel càng rõ ràng. Từ 1900 đến hết cuộc đại chiến, nhờ sự khuyến-khích của chính-phủ và do tình-thế bất buộc, phong-trào liên kết tiến càng nhanh. Rồi từ sau cuộc đại chiến đến 1930, không những ở nước nào các nhà sản xuất còn cô-lập cũng hợp thành đoàn thể mà ta còn thấy phát triển những cơ-quan quốc-tế hợp các nhà cùng sản-xuất một thứ hàng ở mọi nước : 1922-1926 liên-đoàn quốc-tế cao-su ký nhận chương-trình Stevenson để hạn-chế sản-xuất và trồng cao-xu (chương-rình ấy có thi-hành ở Đông-dương cho tới cuộc chiến-tranh bảy giờ) ; 1928 thành lập consortium européen du mercure để kiểm-soát sản-xuất và bán thủy ngân (hội này kiểm-soát 4 phần 5 số thủy-ngân của hoàn-cầu ; từ năm 1926 tới 1930, còn hành lập những liên-đoàn quốc-tế về đường, kèn, alumin, tchép, đạm-khí v. v.

Giữa thế-kỷ 19, ở nước nào dư-luận và chính phủ cũng phản đối và ngăn-cản sự liên-kết các công-sưởng. Nhưng bước sang thế-kỷ 20 — và nhất là từ hồi cuộc đại chiến 1914-18 kết liễu ở đầu người ta cũng dần dần nhận thấy rằng muốn giữ cho sự sản xuất có trật tự và hợp lý ; muốn tránh những sự cạnh tranh khốc liệt dẫn thẳng đến những cuộc phá-tàn và nạn thất-nghiệp của thợ-thuyền thì cần phải tổ chức lại các cơ quan sản xuất, hợp các cơ quan ấy thành những đoàn thể tiện kiểm-soát và bắt họ phải sản xuất và buôn bán theo một kỷ luật. Tuy rằng ở nhiều nơi, người ta vẫn chưa coi sự lập cartel và trust là một chính sách kinh-tế đáng khuyến-khích nhưng ở đầu người ta cũng không còn dựa vào những nguyên tắc tự-do và cạnh tranh mà kết tội toàn thể lối tổ-chức ấy nữa.

Cuộc kinh-tế khủng hoảng phát khởi từ năm 1929 càng làm cho phong-trào kết đoàn-tiến vội và xuất hiện một cách rõ rệt thêm.

Hàng hóa đọng lại nhiều sự cạnh tranh đè-bán cho được càng tăng ; muốn chiếm một địa-vị trên thị trường quốc-tế, nước nào cũng thấy cần phải hợp các nhà sản xuất thành những đoàn thể to, có thể đương đầu với ngoại ; còn ở trong thì nước nào cũng thấy cần phải bắt các công-sưởng đảm-bớt sự sản xuất. Tuy vậy mà giòng già bốn năm năm giờ

giá hàng vẫn đứng yên ở một bậc rất thấp, thỉnh thoảng lại sụt thêm xuống mấy độ.

Muốn để cho nhà kỹ-nghệ còn kiếm được ít lời để đủ giữ số tư bản đã đặt vào việc sản xuất, người ta thấy cần phải tìm hết cách để bớt giá vốn, cần phải « chỉnh lý » các công sở.

Đề hạn chế sự cạnh tranh, ở trong tầng sức chống giữ của nền kinh tế đối ối ngoài, tỏ chức lại sự sản xuất, người ta nghĩ hay đến sự lập trust, cartels, consortiums — những tiếng này bây giờ không có nghĩa nhất định nữa, nó chỉ còn dùng để chỉ sự liên kết các công sở, một phương pháp tình thế bắt buộc phải dùng.

Từ hồi kinh tế khủng hoảng ở Anh, Đức, Mỹ, Pháp, và các nước tư bản khác chính phủ công khai khuyến khích hay bắt buộc thành lập các đoàn thể đó. Đến đây sự liên hiệp các cơ quan kinh-tế gặp một trạng thái khác của nền tư bản hiện đại, mà tôi sẽ nói đến sau đây : là sự can thiệp mật thiết của quốc gia vào sự hoạt động kinh tế.

Nhưng đây không phải là những cuộc thay đổi lớn lao độc nhất của nền tư bản kỹ nghệ từ giữa thế kỷ 19. Một trạng thái khác cũng mới xuất hiện, làm chuyển lạc cả bộ máy kinh tế tư bản.

Sự bành-trướng của hội-vô-danh và ưu-thắng của tài-chính

Vào giữa thế kỷ 19, tại Anh, Mỹ và Pháp là các nước bấy giờ tư bản kỹ nghệ đã tiến bộ các nhà kỹ nghệ thường kinh doanh bằng vốn riêng của mình hoặc bằng vốn của những người thân tín. Các thứ hội thịnh hành bấy giờ là hội « chung tên » (*société en nom collectif*) và hội « giúp vốn » (*société en commandite*).

Trong hội « chung tên » hội viên nào cũng đem cả sản nghiệp của mình để đảm bảo cho công việc của hội.

Trong hội « giúp vốn » thì có hai hạng hội viên : « *hội viên giúp vốn* » (*commanditaires*) không được dự vào việc quản lý hội, nhưng nếu hội có thua lỗ thì cũng chỉ mất có số vốn đã bỏ ra mà thôi ; và « *Hội viên được giúp vốn* » (*commandités*) có toàn quyền quản lý hội nhưng hoàn toàn bị trách nhiệm về công việc hội, khi hội thua lỗ thì phải đem cả sản nghiệp của mình để đảm bảo cho người ngoài. Hội viên giúp vốn có thể bỏ tiền vào hội bằng cách

giao thẳng vốn cho người quản lý (*commandite simple*) hoặc bằng cách mua cổ phần của hội (*commandite par actions*).

Đặc điểm chung cho hai thứ hội chung tên và giúp vốn, là cái *trách nhiệm vô hạn* của người quản lý đối với người ngoài : người quản lý có toàn quyền để điều khiển công việc hội, nhưng mỗi việc làm của người quản lý có ảnh hưởng trực tiếp ngay đến tài sản của họ, nếu công việc hỏng, hội hết vốn thì người bị thiệt đầu tiên là người quản lý. Vì vậy người quản lý cần phải thận trọng trong công việc của mình, và ít khi ta thấy một người quản lý được nhiều hội cùng một lúc : không những vì họ không đủ thì giờ và thiếu tài lực để trông nom cho đến nơi đến chốn đủ mọi việc, mà còn vì trong hai lối hợp vốn kể trên đây hội được tin nhiệm nhiều hay ít phần chính là nhờ ở số vốn của người quản lý mà người đó giữ đến đâu cũng chỉ đủ đảm bảo cho vai hội to là cùng.

Từ giữa thế kỷ 19 trở đi, ở Anh phát hiện lối hợp vốn bằng *hội vô danh* (*société anonyme*) Thứ hội đó tiến bộ rất nhanh ở Anh rồi lan sang Pháp, Mỹ và tất cả các nước tư bản Âu-tây.

Hội vô danh là những hội trong đó vốn chia ra làm nhiều cổ phần và do một ban quản trị điều khiển. Nhân viên ban quản trị thường trọn trong những hội viên có nhiều cổ phần nhất, nhưng những nhân viên đó là người *uy quyền của hội, làm việc bằng vốn của hội và đây là điều khác với các hội « chung tên » và « giúp vốn » — không phải đem tài sản riêng của mình để đảm bảo những công việc đã làm trong phạm vi của hội.*

Đối với pháp luật hội vô danh là « pháp nhân » có sự hoạt động và có tài sản phân biệt hẳn với hoạt động và tài sản riêng của nhân viên ban quản trị : vốn của hội mà luật pháp bắt buộc phải công bố liên ngay với tên hội là thứ đảm bảo độc phát của những người giao thiệp với hội.

Hội vô danh là một lợi khí rất tiền và rất mạnh.

Sống một cách tự lập không phải cần cú vào một hay vài người quản lý, hội có tính cách vĩnh viễn và rất hợp với những công cuộc cần phải theo đuổi lâu lâu năm.

Không những thế hội cổ tức hợp được rất nhiều vốn bằng cách bán cổ phần hay trái

phiếu trong công chúng. Đó là điều kiện tối cần cho mọi sự kinh doanh trong thời kỳ cơ-khí đã tiến bộ, khi mọi sự sản xuất đều cần hàng vạn hàng triệu vốn.

Tỉ dụ như sự kinh doanh đường xe lửa ở một xứ thộc địa. Trước khi đoàn tàu thứ nhất chạy được thì cần phải bao nhiêu tiền, bao nhiêu thì giờ và cố gắng để nghiên cứu mọi thứ, đặt đường sắt xây nhà ga, mua máy móc, tích trữ than giầu, đào luyện những nhân viên chuyên môn từ người kỹ sư cho tới người đốt lửa... Tuy trong những công việc này, chính phủ bao giờ cũng giúp sức giúp liền, nhưng ta không thể tưởng tượng một tư nhân đảm nhận được một công cuộc to và nhiều sự bất ngờ như thế. Nhưng đó là công việc rất thường đối với một hội vô danh.

Nhờ sự tiện lợi kể trên đây nên từ cuối thế kỷ 19 trở đi, hội vô-danh rất thịnh hành. Nhiều hội « chung tên » và « giúp vốn » cũ cũng đổi thành hội vô danh.

Đề điều khiển công việc về mặt chuyên môn (trông nom việc sản xuất, mua bán v. v.), hội vô danh thường có một hay nhiều viên giám đốc, nhưng viên giám đốc thường chỉ là người làm công được hưởng vài đặc quyền mà thôi; quyền hành thật là ở tay ban trị sự là cơ quan theo pháp luật, thì thay mặt tất cả các người có cổ phần tức là đã bỏ vốn vào hội và do các người đó bầu lên, nhưng thật ra thì chỉ gồm có một số ít hội viên đã khéo đặt lệ để bao giờ cũng nắm trong tay cả vận mệnh của hội.

(Còn nữa)

ĐÃ CÓ BÁN:

TRÔNG GIÒNG SÔNG VỊ

(Văn-chương và thân-thể Trần-tổ-Xương)

Một kiệt tác của **TRẦN-THANH-MẠI**

Kỳ tài bản nầy tác giả đã dày công sửa chữa

Sách ngót 200 trang giá **1\$90**

ĐÀN BÀ VÀ NHÀ VẦN

Khảo cùn của **KIỆU THANH-QUẾ**

Gồm có những mục: Địa vị người đàn bà trong văn chương Đông Tây. Những bà mẹ, bà chị, bà vợ, những cô nhân tình; Nhà văn có nên lấy vợ không? Ái tình có cần ích cho văn chương không? v... v..

Sách 100 trang giá **1\$20**

Nhà xuất bản **TÂN-VIỆT** 29, Lamblot
- HANOI -

DANH-TỪ

▪ KHOA HỌC ▪

≡ **HOÀNG XUÂN HÂN** ≡

GIÁ: 4\$00 CƯỚC: 0\$47

Thơ và ngân phiếu gửi về:

PHARMACIE NEYRET

67, Phố Trường Thi — Hanoi

PÉDOCA vinaigre-cornichon

EN VENTE:

dans tous les grands
magasins d'alimentation

HANOI

N° 136, Boulevard A. Rousseau

Téléphone : 1663

HỘP THƯ

Ô Trần mai Ninh — Vì sự tình cờ đã tìm thấy tập thảo luận « Hoa chen nơi vườn nghệ thuật » của ông. Hiện để ở tòa báo

Ô Hương Minh. Có nhận được hai bài mới gửi. Xin cảm ơn. Vì một lẽ riêng không đăng được. Xin cho biết địa-chỉ

Ô Yêu Sơn. — Xin cảm ơn; không đăng được

Ô Trần đức Quý. — (Touraine). Cảm ơn ông đã mách cho biết tập kỷ-yếu về công nghệ ấy. Chúng tôi cũng có nhận được.

Ô Phan mỹ Nhật (Biên hòa). — không hiểu rõ ý ông muốn hỏi gì.

Ô. B. D. D (Quảng Yên). — Xin cảm ơn không đăng được

Ô Vinh Điền (Hanoi) Những bài nghiên cứu về đạo Nho và đạo Phật, chúng tôi cũng hoan nghênh như các bài khác, miễn là hay.

Ông Đặ-g-vả i-M nh. — (Dalat) Bài về Nguyễn Du vì một lẽ riêng không đăng được, không nhận được bài: « Công nghệ xứ nhà ».

Thông chệ PÉTAIN đã nói:

« Hỡi các bạn thân quý, hãy đuổi sự ngờ vực ra khỏi cõi lòng, và cố bỏ những lời phỉ-báng chua chát. Hãy nghĩ đến vị Quốc Trưởng yêu mến chúng ta, vì chúng ta mà vẫn đứng vững trước cơn giông tố »

ĐÃ CÓ BÁN:

của NGUYỄN TUÂN

QUÊ HU'ÔNG

tức « THIẾU QUÊ HƯƠNG »

512 trang — In đẹp

Bản thường. 5\$00

Bản dó Ván (hế:)

Bản Impérial Đại-la (còn một ít). 20\$00

Nhà xuất bản

ANH-HOA

69, Rue du Charbon, HANOI

SÁCH MỚI

Chúng tôi nhận được:

1) *Trái nước Nam làm gì?* của Hoàng đạo Thủy « Thời Đại » xuất bản giá 1 đ. 25

2) *Phạm Thai.* — kịch bằng thơ của Phan khắc Khoan giá 2 đ. 10

3) *Hương xa.* — đoản thiên của A. Daudet, E. Dabit, Nagai Kafu, R. Tagore, L. Tolstoi, S. Maugham v. v. Đờ nay xuất bản — giá 2 đ. 50

4) *Truyện cổ nước Nam.* — của Ôn-Như Nguyễn văn Ngọc « hời-Đại » xuất bản giá 2 đ. 60

5) *Cải tạo sinh-lực.* — của P. N. Khuê « Hàn thuyên » xuất bản giá 3 đ. 50 .

6) *Le Docteur A Yersin.* — một tập kỷ-niệm nhà bác học Yersin, giám-đốc viện Pasteur Nha trang mới từ rần ngày 1 mars 1943, do phủ Toàn-quyền xuất bản.

7) *Pour mieux comprendre la Révolution nationale.* — của S. Lehnbach, do phòng báo chí Nam-kỳ xuất bản.

8) *Kim vân Kiều.* — bản dịch ra tiếng Pháp của Nguyễn văn Vĩnh, do thư xở Alexandre de Rhodes xuất bản giá 3 đ. 00.

Xin cảm tạ các nhà gửi lạng và giới thiệu các cuốn sách trên với bạn đọc T. N.

SẼ XUẤT BẢN:

LA SƠN PHU TỬ

của HOÀNG-XUÂN-HIẾN

THỜI-ĐẠI XUẤT BẢN

ĐƯƠNG IN:

VANG BÓNG MỘT THỜI

của NGUYỄN-TUÂN

THỜI-ĐẠI XUẤT BẢN

SẼ XUẤT BẢN:

Ả Q CHÍNH TRUYỆN

của LÔ-TẤN, ĐẶNG-THÁI-MAI dịch

THỜI-ĐẠI XUẤT BẢN

Đọc sách mới

NG. C. HOAN.
Thanh Đạm.

Ông Nguyễn công Hoan là một nhà văn, nhưng cũng lại là một nhà giáo. Ta nên nhớ đến điều đó khi đọc sách ông. Bởi vì xưa kia giọng văn ông mĩa mai quá đáng bao nhiêu thì

ngày nay dạn dĩ, hiền lành bấy nhiêu. Ấu cũng là có duyên cớ gì đây.

Trong phép giáo dục có hai cách thường dùng để khuyến khích trẻ con: khen và chê. Các nhà mô phạm vẫn điều hòa hai cách đó nhưng trước kia người ta có khuynh hướng về chê phạt hơn. Đột một cái, khoảng đầu thế kỷ này, người ta thấy rõ rằng chê không phải là thượng sách bởi vì đứa trẻ bị trừng phạt có khi tự cho là mình hư hỏng quá, không cưỡng nữa mà cứ đề đầu theo giốc, còn chúng bạn nó thì vô linh mà bắt chước. Vì thế khen có những hiệu quả trái lại.

Ông Nguyễn chắc cũng nghĩ thế nên quyền *Lá ngọc Cành vàng* thế nào mà nay *Thanh Đạm* thành một bài triết lý thiên tán tụng. Ông quan trọng chuyện là một ông quan đời cô, một ông quân hoàn toàn, giả có họ cho trị nhậm một huyện ngày nay tất cũng làm đủ những bốn phận *Tục lệ, cách sát, thương chính, tư pháp, khuyến nông*, và cai trị của mình.

Thành công trong ý muốn giáo dục, chúng tôi rất mong cho ông. Còn thành công trong ý muốn văn chương thì chúng tôi phải trút về họ đời chút.

Ông Nguyễn vốn có một giọng văn thích hợp với lời văn gay gắt của tiểu thuyết và truyện ngắn của ông. Ngày nay vì muốn khen ông phải mềm giọng văn xưa không còn nữa. Ông mất cái đặc sắc của ông rồi. Mất giọng là một điều tối nguy cho các nhà văn cũng như con nhà bất. Và vì đó ông đã phạm vào một lầm lỗi. Nguyên là muốn làm sống lại cổ thời nên ông tả rất tỉ mỉ cách ăn mặc đi đứng của các nhân vật. Đọc *Thanh Đạm* làm đọc có cảm tưởng như xem *Jean Marquet* hay *Jean de Leuba* hay bất cứ một văn sĩ tây nào viết về huộc địa. Họ nhìn người bản xứ bằng con mắt ngạc nhiên và là từng nếp khăn ta áo, Nhà văn nước ngoài thì được, nhưng một nhà văn trong nước thì có thể thành ngớ ngẩn. Gọi qua khứ có khi chỉ cần một vài nét sơ sài.

Nguyễn quân phụng phát như một kếp giả đảo, khéo vẫn là khéo mà vẫn ngượng nghịu làm sao.

L. H.

Tập kỷ yếu năm 1943 của Hội Khuyển Học Nam Kỳ có những bài tiểu luận về Nguyễn Du và truyện Kiều (nhân dịp kỷ niệm nhà đại văn hào Việt Nam hồi năm ngoài) cùng những bài khảo cứu về Việt Ngữ và phong trào văn chương ở Nam Kỳ.

Trong bài « Tâm-sự di-thần » ông Phạm-Thiều giải bày cái nội-cảnh éo-oé của hạng người sống trong buổi giao thời, « ra làm thì cũng hồ, ở ẩn lại càng nguy, hàng-thần tự-nhiên không phải là hàng-thần, nhưng trung-thần thì lại không được là trung thần » : Tâm-sự ấy đã được mô tả bằng cả một thiên truyện tình mà vai chủ-động là phần ánh của di-thần Nguyễn-Du. Trong một bài khác ông Bùi-thế-Mỹ, trái lại không tin rằng Nguyễn-Du đã làm truyện Kiều chỉ vì ý muốn « có chỗ gởi gắm can trường » nhưng chính vì chữ « tình », cái « dây oan » nó vẫn buộc chặt những tâm hồn đa cảm : vốn thuộc nội tình, Nguyễn-Du viết truyện Kiều cũng như Kiều khóc Đạm tiên vậy. Kể thược ra cả hai ý-tưởng ấy cũng không có chi là mới lạ. Song điều đáng chú ý, là những ý tưởng thông thường kia (tiếng pháp gọi là *lieux communs*) đã được diễn bằng một giọng chân thật và thiết tha, bằng những nhời văn hoặc điêu luyện ở bài ông Nguyễn, hoặc chải chuốt ở bài ông Bùi. Có người đã nói : « Nhờ văn mới chính là của riêng của nhà văn ».

Ông Lê-ngọc-Trụ dò theo Thúy Kiều trong mười lăm năm lưu lạc mà phác họa trên bản địa-dò Trung hoa con đường đi của nàng Kiều : một việc làm mà chính tác-giả cũng không dám quả quyết là đúng, nhưng đã gây được hứng thú cho bài văn. Lê-quân còn viết một bài khảo cứu công phu về « Luật tứ thanh và luật hồi ngã » trong Việt-ngữ.

Có một bài phê-bình tập « văn học kỷ-niệm Nguyễn-Du ». Tác giả, Ô-Minh-Xuân, bắt mắt khi thấy trong tập đó những bài « xoi-móc, chế diễu » truyện kiều như của Nguyễn-công-Trữ và Yên. Đồ. Kể cũng hơi nghiêm-khắc. Ta chỉ nên coi tập đó như một cuốn thu thập một ít tài liệu về truyện Kiều. Như thế cái mục đích kỷ-niệm nhà đại-văn-hào cũng đã đạt được rồi. Cưng gì phải ca tụng luôn mồm. Người ta có thể kỷ-niệm một thời-đại lịch-sử bằng một tấm bia ghi chép hết các việc quan trọng trong thời ấy : những vinh-quang và cả những sỉ-nhục. Ô-Minh-Xuân lại còn bắt mắt vì hàng Kiều do các họa-sĩ vẽ ~~khi~~ mặc đồ Tàu, khi tra bộ đồ « mới » Lemur, có khi

VẤN-ĐỀ KỸ-NGHỆ HÓA...

(Tiếp theo trang 4)

thiếp vào sự hoạt động tư-nhân đến bậc nào? những kỹ-nghệ nào cần phải bảo vệ, và bảo vệ bằng cách nào cho thích hợp? Những người tiêu-thụ phải chịu hi-sinh tới bậc nào? v. v... Đó là cả một chính sách kinh tế khó khăn, phức tạp, sẽ phải dựa theo chế độ chính trị và xã hội. — Vấn đề chuyên môn. Ba điều cần: Tiền, người (tay chuyên môn) và khí cụ. Cả ba thứ ấy đều thiếu ở một nước mới bước vào đường kỹ nghệ hóa. Cho nên có nước đã phải mượn ở ngoài cả ba thứ ấy. Đó là một lối giải quyết nguy hiểm, nếu nó thành vĩnh viễn, vì nước ấy, rốt cuộc, vẫn sống phụ thuộc vào nền kỹ nghệ nước ngoài. Vấn đề khí cụ có một quan trọng đặc biệt vì nó gồm thêm cả hai khoản: tiền và người; tức là vấn đề cơ giới hóa (mécanisation), nền tảng của công cuộc kỹ nghệ hóa.

— Vấn đề xã hội. Kỹ nghệ hóa một xít là gây những thay đổi lớn lao trong sự tổ chức xã hội. Một giai cấp xã hội sẽ bành trướng, giai cấp thợ thuyền, họ sẽ gây thế lực bằng số đông. Một giai cấp trở nên mạnh bằng tiền: giai cấp tư bản, Sự liên lạc giữa hai phái ấy sẽ gây nhiều chuyện khó khăn. Cần phải bênh vực quyền lợi bọn công nhân rí sao và tổ chức đời sống công cộng của họ như thế nào? Cần phải hạn chế, vì ích chung, số thu hoạch của phái tư bản như thế nào? Có nên gín giữ sự hoạt động công nghệ không? và chỉ định phạm vi hoạt động của công nghệ và kỹ-nghệ cùng sự liên lạc giữa hai nền kinh tế ấy ra sao? Đó là những câu hỏi mà sự giải quyết sẽ tùy theo tư tưởng xã hội của bọn cầm quyền.

Cả ba vấn đề trên đều quan hệ như nhau. Giải quyết được tức là xây được cơ sở của công cuộc kỹ nghệ hóa. Còn lại chỉ là việc tổ chức.

VŨ ĐÌNH HÒE

lại còn muốn « mô-đet » hơn nữa nên vận bộ « da-ma » theo như mấy cô « tân-thời » Việt-Nam ở thế-kỷ thứ hai mươi này vậy! » Ta nên hiểu các họa-sĩ. Thực ra họ không định « tháp-đồ-họa » (illustrer) truyện Kiều đâu, họ chỉ diễn tả những cảm xúc riêng mà một vài câu thơ của nhà thi-sĩ đã gợi trong tâm hồn họ. Những cảm xúc ấy có chân thực không? Những lối diễn ấy có đẹp không? Đó lại là một chuyện khác.

V. H.

SÁCH MỚI:

CUỘC TIỀN HÓA VĂN HỌC VIỆT-NAM
KIEU THANH QUE — Giá 2,20

NGƯỜI CHIẾN QUỐC
VŨ TRỌNG CAN — Giá 2,50

THANH ĐẠM
NGUYỄN CÔNG HOAN — Giá . . . 4,50

THẰNG CON TRAI
LÊ VĂN TRƯỞNG — Giá 2,00

KỂ ĐẾN SAU
LÊ VĂN TRƯỞNG — Giá 3,00

BIỆT THỰ TRIỀU HƯNG
BUI XUÂN NHƯ — Giá 1,00

GIỌT MÁU SAU CÙNG
PHAN TRẦN CHÚC — Giá 1,20

NGƯỜI MẸ TỘI LỖI
LÊ VĂN TRƯỞNG — Giá 3,20

MỘT NỀN GIÁO-DỤC VIỆT-NAM MỚI
(in lần thứ I) THÁI PHỈ — Giá . 1,20

SÓNG GIÓ ĐỒNG CHÂU
(in lần thứ hai) THÁI VI LANG. Giá . 2,00

THANH NIÊN KHỎE
ĐÀO VĂN KHANG — Giá 1,00

MUỐN HỌC GIỎI THÁI PHỈ. Giá . 1,00

LUẬN VỀ TIẾNG NAM
NGÔ QUANG CHÂU — Giá 0,70

PHỤ NỮ VỚI GIA ĐÌNH
DŨNG KIM — Giá 2,00

PHỤ NỮ VỚI HÔN NHÂN
VIÊN ĐÌNH — Giá 1,50

CÁI ĐẸP VỚI NGHỆ THUẬT
LAN KHAI — Giá 1,00

SÁCH HỌC SINH ĐỜI MỚI
Hay! Lạ! Vui! Đẹp! Bồi ích cho tinh thần!

NĂM BỘ DA DÊ PHAN TRẦN CHÚC. . . . 0\$30

HAI CHÀNG HIỆP KHÁCH NGUYỄN LƯƠNG BÍCH 0,30

SÁM HỒI NGUYỄN XUÂN HUY 0,30

XUẤT ĐÁ NGUYỄN XUÂN HUY. 0,30

TỜ BÁO HÀNG NGÀY PHẠM GẠO CÙNG. . . 0,20

PHẠM NHAN PHAN TRẦN CHÚC. 0,20

LẤY CHỒNG CỘT LÊ VĂN TRƯỞNG. . . . 0,30

THẮNG NGỐC THÁI PHỈ 0,15

ĐỒNG TIỀN MA MICRO. 0,80

CON CHIM ĐÀU ĐÀN LÊ VĂN TRƯỞNG. . . 0,15

và nhiều sách giá-trị khác nữa... Muốn
cò bản thống kê các sách đã xuất bản, xin
gửi tem 0\$06 cho:

Nhà xuất bản ĐỜI-MỚI

■ 62, Hàng Cót — HANOI ■

Giấy in: 16.38

VIỆC QUỐC TẾ:

Ở Âu-châu

Mặt trận Nga: Cuộc tấn công mùa hạ của Nga vẫn tiếp tục mạnh mẽ từ Bắc xuống Nam.

Ở khu Leningrad, Hồng quân tấn công tại phía Nam hồ Ladoga để giải vây cho thành Leningrad, nhưng không có kết quả. Quá đươi, phía Nam hồ Ilmen, quân hai bên kịch chiến tại Staraja Roussa và Neva.

Tại khu Mow-cou, giữa khoảng lừ Smolensk xuống Briansk, quân Nga đánh tới Spas-Demensk cách Smolensk 130 cây số về Đông-Nam, cách Briansk 125 cây số về phía Bắc. Giữa đường xe lửa Briansk Orel Hồng quân chiếm được Velyaminovo (13-8) và tiếp lên đến Karachev. Phía dưới Hồng quân đánh tới Dmitrovsk cách Orel 80 cây số về Tây Nam và cách Kursk 90 cây số về Tây Bắc.

Khu Kharkov vẫn là cái đỉnh của cuộc tấn công. Quân Nga tranh về phía Tây cả trên và dưới Kharkov thành tại cái gọng kìm: ở trên, sau khi chiếm được Baromya (12-8) ở phía Tây Brelgorod cách 120 cây số, và Akhtyrka (12-8) ở Tây Bắc Kharkov cách 110 cây, Hồng quân đánh tới Lebedin, Sumy cách 150 cây số về Tây Bắc Kharkov; — ở dưới, Hồng quân đánh tới Poltava cách Kharkov 150 cây số về Tây Nam; thế là thành Kharkov bị chẹt vào giữa hai gọng kìm do: quân Đức sau khi mất Chuguev (13-8) phải bỏ thành Kharkov (24-8) rút về phía Tây cho khỏi bị bao vây. Thế là từ tháng Fevrier đến giờ, Kharkov thay đổi chủ ba lần. Quá phía dưới, có tin quân Nga, sau khi chiếm được Zaporozie (16-8), theo dọc sông Dniepr đã đánh tới thành Dniepropetrovsk cũng trên bờ sông đó ở phía Nam Poltava, sông Dniepr chảy qua trung tâm cánh đồng Ukraine.

Khu Kouban, không có sự thay đổi gì quan trọng.

Thế là, theo tin Đức, sau tám tuần lễ tấn công, kể từ ngày 5 Juillet, Hồng quân chỉ mới lấy lại được 15 000 cây số vuông nghĩa là 1/3 miền Ukraine rộng 450.000 cây số vuông.

Tại Sicile: Sau hơn 5 tuần lễ chiến tranh, kể từ ngày 10 Juillet quân Anh-Mỹ bắt đầu đổ bộ, trận

Sicile đã kết liễu ngày 17 Aout. Quân Đức-Y đã kháng chiến với một số quân địch đông hơn gấp bốn năm lần, nhưng cũng đã làm thiệt hại quân Anh Mỹ tới 25 000 người rồi mới chịu rút khỏi đảo. Hiện nay đại bác hai bên vẫn còn bắn nhau kịch liệt qua eo biển Messine.

Trận Sicile kết liễu thì xảy ra những sự thay đổi lớn trên trường ngoại giao và chính trị bên Đồng minh Hội nghị Québec trong tuần lễ trước, giữa hai ông Roosevelt và Churchill, đã định đoạt nhiều việc quan trọng như những cuộc tấn công trên Thái Bình Dương và đổ bộ vào lục địa Âu châu. Giữa khi đó lại có tin ngoại trưởng Mỹ Sumner Welles xin từ chức, và tin Staline gọi đại sứ Li vinof ở Washington về nước làm cho thế giới ngạc nhiên. Người ta đồn có lẽ Nga muốn chia rẽ với Anh-Mỹ và sẽ ký hòa ước với Đức. Dù sao ta cũng có thể biết rằng giữa Anh-Mỹ và Nga ngày nay dù có sự hợp tác để đánh Đức cũng khó lòng có sự thân thiện thực tâm và lâu dài.

..

Ở Thái-Bình-Dương

P phía bắc Thái Bình Dương vùng quần đảo Aleoutiennes, quân Mỹ đã đổ bộ tại đảo Kiska vào trung tuần tháng Aout. Nhưng, theo tin Nhật, quân Nhật ở đảo đó đã rút lui từ cuối Juillet mà quân địch không biết, thành ra không bị thiệt hại gì.

Vùng nam Thái bình Dương quân Mỹ cũng đổ bộ tại đảo Vellalavella, vùng quần đảo Solomon, nhưng cũng bị thiệt hại lớn trong trận thủy chiến với quân Nhật. Ngoài ra phi cơ Mỹ tới thả bom tại các đảo Célèbes và Bornéo nhiều lần, trong khi đó phi cơ Nhật cũng đến ném bom xuống Nouvelle Guinée và Australie.

Có tin hội nghị Québec định đặt một căn cứ tấn công ở Bắc Thái Bình Dương tại Giá nã đại nhưng gặp sự phản đối của xứ này; tại Nam Thái Bình Dương căn cứ cuộc tấn công Anh Mỹ sẽ đặt tại đảo Ceylan và Ấn độ. Như vậy cuộc chiến tranh trên Thái Bình Dương sắp tới thời kỳ quyết liệt.

Viết ngày 30 Aout 1943

Đ. Đ. D.

Ô-tô, nhà lầu... cái mộng đó
sẽ thành sự thực nếu các
ngài bỏ 1\$00 mua
VÉ SỞ SỞ ĐÔNG-DƯƠNG

ĐƯƠNG IN:

CỔ HỌC TINH HOA

Đã-Như NGUYỄN-VĂN-NGOC
và Tinh-Trai TRẦN-LÊ-NHÂN

THỜI ĐẠI XUẤT BẢN

ĐÃ CÓ BẢN:

MỘT GIAI PHẨM CỦA THƯ XÃ ALEXANDRE DE RHODES

KIM VÂN KIỀU

CUỐN II TRỌN BỘ

bản dịch Pháp văn của ông

Nguyễn văn Vĩnh

470 trang khổ 17 × 23, bìa hai màu có nhiều tranh ảnh của họa-sĩ Mạnh Quỳnh.
Toàn bộ Kim Vân Kiều gồm 800 trang thành một pho sách quý vô giá để quốc
dân ngâm và hiểu áng văn của Tố-Như

Bản thường. . . 3\$00 — cước 0\$80

Bản Vergé bouffant 8\$60 — cước 1\$20

Gửi, lỉnh hóa giao ngân, kèm thêm 0\$80

TÔNG PHÁT HÀNH

MAI-LĨNH

21, Rue des Pipes, HANOI

**Đ
Ã
C
Ó
B
Á
N**



NHÀ XUẤT BẢN THỜI-ĐẠI

== Số 214, Hàng Bông — HANOI ==

Ngân-phiếu đề cho; Ô. ĐỖ-HUÂN

ĐẠI LÝ KÍP BIÊN THU DÀNH TRƯỚC SỔ SÁCH MÌNH CẦN BÁN,

TRAI NƯỚC NAM LÀM GÌ

Giá: 1\$25

Một bức thư cần kíp gửi cho anh.
của HOÀNG-ĐẠO-THỨ

TRUYỆN CỔ NƯỚC NAM

Giá: 2\$60

«...Làm người Nam nên biết truyện cổ nước Nam. Tính thần người
Nam hiện ra ở đây, tinh-hoa nước Nam muốn lưu lại cũng ở đây»
Ôn-Như NGUYỄN-VĂN-NGỌC

VIỆT-NAM NHẠC PHỔ

Đã có 4 bản, mỗi bản 0\$20

Những điệu chèo cổ do Nhạc-Sĩ NGUYỄN-XUÂN-
KHUẤT ghi chép bằng ký-âm-pháp Âu-tây.

TỪ 31-8 ĐẾN 30-9-43

Có rất nhiều tủ sách đóng bán
NHÂN NGÀY KỶ NIỆM CUỘC
TRIỂN LÃM SÁCH BÁO LẦN ĐẦU TIÊN Ở BẮC-KỲ
do NHÀ SÁCH LỚN MINH-ĐỨC THÁI-BÌNH tổ chức

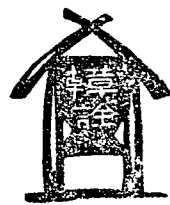
— Những tủ lồng khung kính bóng lộn rất sinh
sắc, quý giá về mọi phương diện, gồm toàn những
sách quốc-văn về các loại. — Tra cứu — Nghiên
cứu — Tư tưởng — Phê bình — Triết học — Giáo
dục — Lịch sử — Tiểu thuyết — Y học, v... v...

- Một tủ sách đóng toàn bằng da lồng trong
khung hộp quý.
- Một tủ sách bọc toàn bằng gấm lồng trong
khung hộp sinh sắc.
- Một tủ sách đóng toàn mành xanh biếc.
- Một tủ liệt toàn những sách in trên các hạng
giấy đặc biệt có ghi số, có chữ ký của tác-giả.
- Một tủ sách gồm các sách da — gấm — vân
các màu rất là nổi đẹp.

Và các tủ khác, mỗi tủ đựng một vẻ đặc biệt
riêng.

— Các bạn chơi sách ở xa muốn gìn giữ sách
khỏi hư, không bị gián, nhậy gấm nhấm, viết
thư về cho NHÀ SÁCH MINH-ĐỨC THÁI-BÌNH
sẽ gửi biếu một bản giấy in riêng nói rõ cách
thức làm cho sách đẹp mãi mãi.

Đi dự cuộc bày những tủ sách quý ở Thái-Bình để so
sánh với tất cả các hiệu sách khác ở Đông-Dương.



MỜI CÓ BÁN:

CẢI TẠO SINH LỰC

Phần thực hành trong bộ

HÀN THUYỀN «SỨC KHỎE MỚI»

của P. N. KHUÊ — Giá 3\$50

25-8-43 CÓ BÁN:

XÃ HỘI AI-CẬP ĐỜI THƯƠNG CỒ

Trong bộ «Lịch Sử Thế Giới»

của NGUYỄN ĐỨC QUỲNH — Giá 2\$50

Ở xa, mua 1 cuốn xin gửi tiền trước kèm
0\$40 cước, đảm bảo, về ông Giám Đốc.

HÀN THUYỀN, 71 Tiên Tsìn - HANOI

BÁO THANH NGHỊ

**THÔNG HIỂU SỰ VẬT VÀ TƯ TƯỞNG — THỦ NHẬT TÀI LIỆU ĐỂ GÓP
VÀO VIỆC GIẢI QUYẾT NHỮNG VẤN ĐỀ QUAN HỆ ĐẾN ĐỜI SỐNG
CỦA DÂN TỘC VIỆT-NAM — PHỤNG SỰ MỘT NỀN NGHỆ-THUẬT CHÂN
CHÍNH — PHỔ THÔNG MÀ KHÔNG LÀM GIẢM GIÁ.**

Trong số 16 Septembre 1943

- Sơn ta: mỹ thuật thuần túy hay mỹ thuật trang sức ? . . .
- Thân thể, Nhân cách và Sự nghiệp Lỗ Tấn. — I. . . .
- Tư tưởng nghĩ hê.
- Cuộc cách-mệnh Tân-Hội (tiếp theo)
- Chế độ nghiệp đoàn
- Nghệ thuật hát của Đào nương
- Máy xay chạy gió — II
- Một chương trình dạy trong các lớp học bình dân
- Kiểu có mặt sát Hồ Tôn Hiến không ?
- Xã hội Việt Nam từ thế kỷ thứ 17
- Việc quốc tế.

TÔ NGỌC VÂN
ĐỖNG THÁI MAI
LÊ HUY VÂN
PHAN ANH
ĐỖ ĐỨC DỤC
NGUYỄN XUÂN KHOÁT
NGUYỄN NHƯ KONTUM
VŨ ĐÌNH HỒ
HOÀI THANH
NGUYỄN TRỌNG PHẦN
Đ. Đ. D.

Autorisé par arrêté du Gouverneur général du 1^{er} Mai 1939 N° 3089
NÚ ĐÌNH HỒ — ĐOÀN KẾ THIÊN — Imp. TRUNG BẮC